

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ XUÂN



**PHU XUAN**  
UNIVERSITY

**ĐỀ ÁN**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

**Tên ngành:** TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

**Mã ngành:** 7320104

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

HUẾ, 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

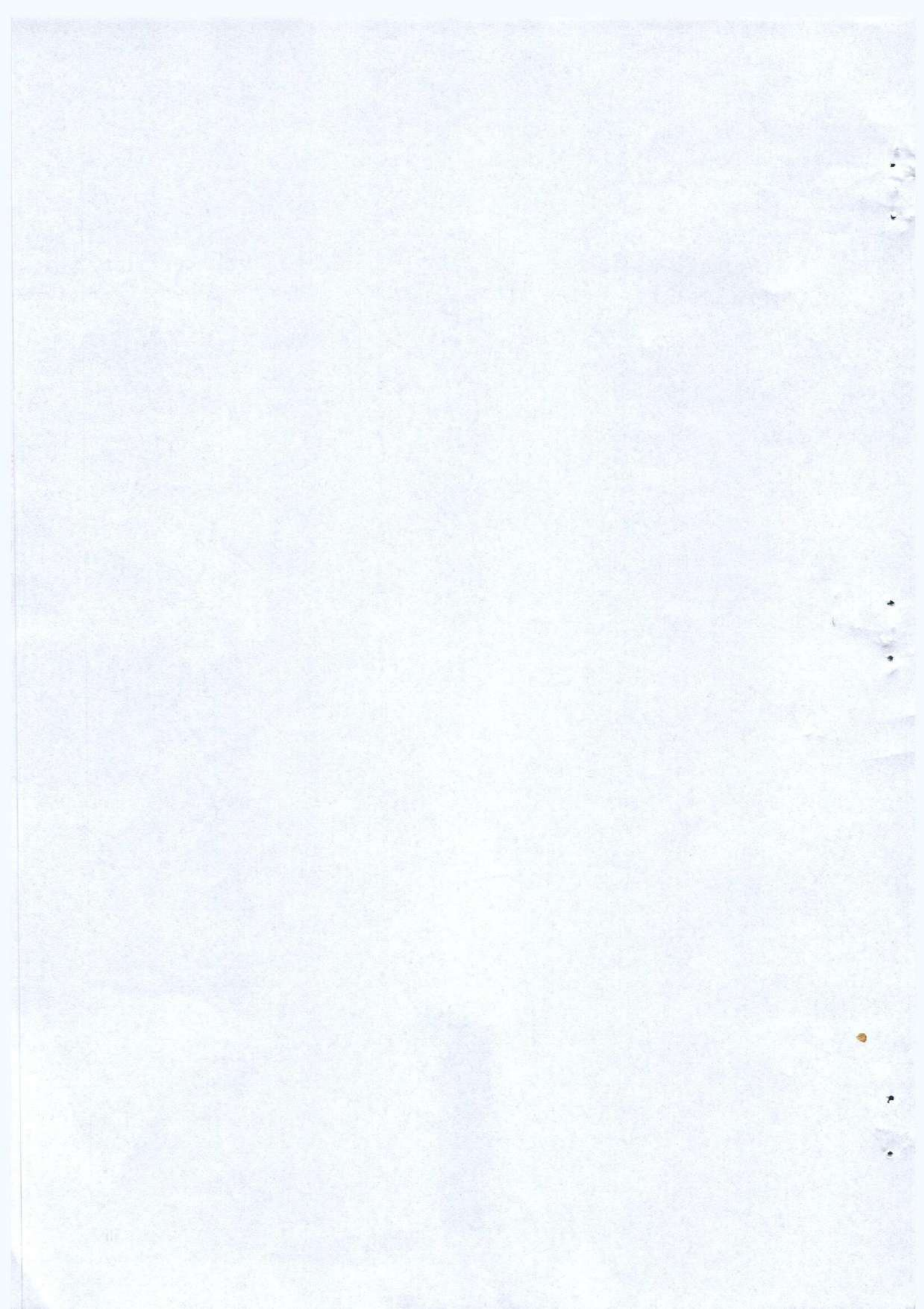
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

## MỤC LỤC

Phần 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ XUÂN.....	1
1.2. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN.....	4
1.2.1. Nhu cầu đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.....	4
1.2.2. Thực trạng đào tạo Truyền thông đa phương tiện tại Việt Nam.....	6
1.2.4. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ đại học Truyền thông đa phương tiện tại Trường Đại học Phú Xuân.....	13
Phần 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	15
2.1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC CƠ HỮU.....	15
2.1.1. Giảng viên cơ hữu.....	15
2.1.2. Giảng viên cơ hữu mở ngành Truyền thông đa phương tiện.....	58
2.2. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ.....	65
2.2.1. Giới thiệu chung.....	65
2.2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành cho ngành Truyền thông đa phương tiện.....	68
2.3. THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH.....	72
2.3.1. Thư viện.....	72
2.3.2. Giáo trình.....	73
2.4. DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC TẬP, THỰC HÀNH NGOÀI CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	86
2.5. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ.....	86
2.5.1. Hoạt động Nghiên cứu khoa học.....	86
2.5.2. Hợp tác quốc tế.....	87
Phần 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO.....	89
3.1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	89
3.2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	90
3.2.1. Mục tiêu chung.....	90
3.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	90
3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.....	91
3.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	92
3.3. CHUẨN ĐẦU RA (CĐR).....	92
3.3.1. Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo..	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.3.2. Kiến thức.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

Chuẩn đầu ra kiến thức (CĐRKT) của chương trình đào tạo như sau: .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.3.3. Kỹ năng .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Chuẩn đầu ra kỹ năng (CĐRKN) của chương trình đào tạo như sau:	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.3.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Chuẩn đầu ra năng lực (CĐRNL) của chương trình đào tạo như sau:	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	94
3.5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH.....	94
3.5.1. Đối tượng tuyển sinh.....	94
3.5.2. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh .....	94
3.6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	95
3.7. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ.....	95
3.8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH .....	96
3.8.1. Cấu trúc chương trình .....	96
3.8.2. Kế hoạch giảng dạy.....	98
3. Nội dung tóm tắt các học phần .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	101
3.9.1. Xây dựng đề cương chi tiết học phần .....	103
3.9.2. Giáo trình và bài giảng.....	104
3.9.3. Tài liệu tham khảo.....	104
3.9.4. Về phương pháp giảng dạy .....	104
3.9.5. Đánh giá kết quả học tập.....	104
4.1. Các rủi ro có thể xảy ra.....	110
4.2. Biện pháp phòng ngừa rủi ro.....	110
4.2.1. Giải pháp đảm bảo tuyển sinh.....	110
4.2.2. Giải pháp đảm bảo năng lực giảng viên.....	111
4.2.3. Giải pháp đảm bảo mở được mã ngành: Thực hiện đầy đủ các quy định về mở ngành đào tạo mới theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo .....	111
4.2.4. Giải pháp đảm bảo chất lượng giảng dạy: Thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro và chất lượng của Trường.....	111
4.3. Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo .....	111
Phần 5. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN.....	113





## **Phần 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ XUÂN**

Trường Đại học Phú Xuân được thành lập ngày 11 tháng 7 năm 2003 theo quyết định số 140/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên xin thành lập, hoạt động theo loại hình trường đại học dân lập. Trường là nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Ngày 23 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1812/2018/QĐ-TTg về việc chuyển đổi Trường Đại học Phú Xuân sang loại hình trường đại học tư thục, mang tên Trường Đại học Phú Xuân. Ngày 20 tháng 7 năm 2022, Nhà trường được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục “Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục” do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trải qua 20 năm thành lập và phát triển, Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; được sự hỗ trợ của Đại học Huế và các trường thành viên, Tổng cục Du lịch, các tổ chức phi chính phủ như: Quỹ học bổng Đông Nam Á, Tổ chức VHI... Trường đã liên kết đào tạo với một số cơ sở đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo ở Miền Trung.

Trong giai đoạn 2003 - 2018, Trường đã đào tạo gần 12.000 cử nhân hệ chính quy và bằng 2, góp phần tạo nguồn nhân lực năng động, sáng tạo cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và đất nước. Số sinh viên tốt nghiệp ra trường công tác chủ yếu tại địa bàn các tỉnh miền Trung (đặc biệt từ Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đắk Lắk...), kịp thời bổ sung nguồn nhân lực có năng lực và phẩm chất cho nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Trường vừa đào tạo các hệ đại học,

cao đẳng, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, vừa nghiên cứu khoa học nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, trong đời sống xã hội.

Trường có 03 cơ sở với tổng diện tích đất sử dụng: 31.475 m<sup>2</sup>, gồm: cơ sở 01 tại số 28 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Nhuận; cơ sở 02 tại số 176 Trần Phú, phường Phước Vĩnh; cơ sở 03 tại đường Ngự Bình, phường An Tây, thành phố Huế. Cả 03 cơ sở đều nằm ở khu vực trung tâm thành phố Huế với hệ thống học tập và tiện nghi hiện đại, phòng học được thiết kế khoa học, được trang bị các thiết bị dạy, học hiện đại như máy lạnh, máy chiếu, hệ thống mạng wireless, hệ thống âm thanh, ánh sáng phù hợp giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

Cơ sở 01 bao gồm học đường hiện đại dành cho các dự án đào tạo chuyên biệt, kết nối thực tiễn nghề nghiệp, kết nối doanh nghiệp và thư viện mở. Cơ sở 02 bao gồm dãy phòng học lý thuyết và các phòng Learning office hiện đại, theo chuẩn quốc tế, mô hình thư viện kiểu mới - thư viện mở; sảnh sinh hoạt chung và khu Open office đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng từ năm học 2018 - 2019. Trường có khu ký túc xá với 300 chỗ cho sinh viên tại dãy nhà 5 tầng tại phường An Tây (cơ sở 03). Trang thiết bị kèm theo đủ để bảo đảm công tác giảng dạy, học tập trong năm học và những năm học tới.

Thư viện của Trường có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, bao gồm nguồn tài liệu giấy và đặc biệt là nguồn tài liệu điện tử. Số đầu sách tại thư viện luôn đảm bảo yêu cầu cho các chuyên ngành đào tạo. Nguồn tài liệu được chọn lọc kỹ về nội dung theo yêu cầu của giảng viên và sinh viên, đảm bảo tính mới, bao quát nội dung chương trình đào tạo, đáp ứng đủ cho sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại trường.

Trường có hơn 100 giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng gồm những giảng viên và giáo sư có trình độ chuyên môn cao, yêu nghề, được đào tạo trong nước và ở nhiều nước có nền giáo dục khoa học tiên tiến. Đội ngũ cán bộ khoa học có tâm huyết và uy tín khoa học cao đã và đang tiếp tục nghiên cứu, tìm



hiểu và ứng dụng các chương trình giảng dạy tiên tiến, kết hợp với nội dung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để tăng cường chất lượng giảng dạy đại học, đáp ứng nhu cầu giảng dạy đại học, Nhà trường khuyến khích và thu hút các giảng viên thỉnh giảng trình độ tiến sĩ từ các cơ sở kinh tế, văn hóa tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại trường. Trong những năm vừa qua, Trường đã hợp tác, liên kết với nhiều Trường đại học trong nước, đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nhiều chuyên ngành.

Giảng viên là cầu nối, mắt xích quan trọng trong việc thực thi nhiệm vụ đào tạo. Giảng viên tại Trường sẽ là những huấn luyện viên, những người đồng hành giúp cho sinh viên thành công. Bên cạnh những giảng viên cơ hữu chính thức, Trường còn xây dựng mạng lưới kết nối doanh nghiệp và có sự hỗ trợ, hợp tác với các giảng viên đến từ doanh nghiệp. Họ là các chuyên gia, nhà quản lý hoặc doanh chủ sẽ sẵn sàng tham gia xây dựng chương trình đào tạo, chia sẻ với sinh viên những kinh nghiệm, tầm nhìn và khuyến khích, nâng cao động lực cho người học. Nhờ sự hỗ trợ của các giảng viên doanh nhân, sinh viên sẽ nắm bắt tốt hơn thực tiễn công việc và cuộc sống, đồng thời có cơ hội tham gia trực tiếp vào các công việc thực tế ngay từ khi còn đang ở trong ghế nhà trường.

Hiện nay, Trường Đại học Phú Xuân đang tổ chức đào tạo 11 ngành học thuộc hệ Đại học, cụ thể là: ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kế toán, ngành Công nghệ thông tin, ngành Ngôn ngữ Anh, ngành ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Việt Nam học chuyên ngành Du lịch, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, ngành Quản trị khách sạn, ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, ngành Thiết kế nội thất và ngành Công nghệ thực phẩm.

Không dừng lại ở đó, Trường cũng luôn quan tâm đến việc mở các ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau, trong đó có ngành Truyền thông đa phương tiện nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực trong tỉnh và khu vực miền Trung - Tây Nguyên trong thời đại hội nhập quốc tế. Hiện nay,

đội ngũ và cơ sở vật chất, thiết bị của Trường hoàn toàn đáp ứng quy định đào tạo ngành này.

## **1.2. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

### **1.2.1. Nhu cầu đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện**

Với sự tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0, nền báo chí Việt Nam đã có nhiều sự thay đổi bao gồm việc tạo ra cuộc cách mạng và sự khuếch tán công nghệ trong nền báo chí, làm xuất hiện các chiều hướng phát triển khác nhau của lĩnh vực thông tin - truyền thông ở mỗi khu vực, quốc gia và địa phương. Đặc biệt sự xuất hiện của mạng xã hội đã tác động tới nhà sản xuất sản phẩm báo chí truyền thông, dịch vụ truyền thông và sự biến đổi sâu sắc các nhóm công chúng truyền thông. Sự phát triển của ngành truyền thông đại chúng và truyền thông đa phương tiện, các loại hình sản phẩm, phương tiện truyền thông mới ngày càng diễn ra nhanh chóng và sôi động. Qua nhận diện và phân tích thực trạng nhu cầu nguồn nhân lực truyền thông, có thể thấy những vị trí việc làm tham gia sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng, truyền thông đa phương tiện, nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông sáng tạo, truyền thông đa phương tiện tại Việt Nam vẫn chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt, khi các nhãn hàng càng nhiều, sản phẩm phục vụ đời sống càng trở nên đa dạng, nhiều tính năng hơn thì cũng là lúc các doanh nghiệp cần được khẳng định thương hiệu trước xã hội, khách hàng hơn bao giờ hết. Khi đó, sức mạnh của những phương tiện truyền thông hiện đại có điều kiện phát huy tối đa tác dụng giúp doanh nghiệp chủ động quảng bá các sản phẩm, dịch vụ của mình. Các sản phẩm truyền thông như phim quảng cáo, phim truyền hình, video clip, hoạt hình 3D, website, các ứng dụng (apps), hệ thống nhận diện thương hiệu... cần được dàn dựng, sản xuất liên tục gắn liền với chiến lược truyền thông dài hạn của doanh nghiệp. Để làm được

những điều này cần đến sự đóng góp lớn của những cử nhân truyền thông đa phương tiện.

Bên cạnh đó, thực trạng đào tạo nguồn nhân lực ngành truyền thông đại chúng và truyền thông đa phương tiện ở cơ quan báo chí, các bộ ngành, các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hiện nay còn đang thiếu và yếu về chuyên môn. Cho nên để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực báo chí truyền thông chất lượng cho cả nước thì cần thêm những cơ sở đào tạo uy tín tham gia đào tạo ngành này.

Trong những nghề đắt giá nhất hiện nay, truyền thông đa phương tiện luôn được coi là nghề hấp dẫn không thể bỏ lỡ. Theo số liệu của trang Vietnam Salary, trực thuộc Career Builder - mạng Việc làm & Tuyển dụng hàng đầu thế giới tại Việt Nam, do công việc mang tính sáng tạo, hàm lượng chất xám cao nên thu nhập của ngành Truyền thông đa phương tiện luôn ổn định, giao động từ 300 - 1.000 USD/tháng. Không chỉ cơ hội việc làm cao, ngành Truyền thông đa phương tiện còn chứng minh sức hút của ngành bởi: Tính chất công việc hiện đại, bắt kịp xu thế toàn cầu hóa, thời gian, không gian làm việc linh động, không gò bó, khả năng thăng tiến nhanh...

Đón đầu xu thế, Trường Đại học Phú Xuân đã xây dựng được cơ sở vật chất, lực lượng giảng viên ngành Quan hệ công chúng, Quản trị kinh doanh, Thương mại điện tử, Công nghệ thông tin ... và khối ngành khoa học xã hội nhân văn (những ngành gần với ngành Truyền thông đa phương tiện) vững mạnh cả về chất lượng lẫn số lượng - đủ đáp ứng yêu cầu đào tạo người học lên trình độ cao hơn; chương trình đào tạo được chuẩn hóa theo những xu hướng đào tạo tiên tiến của thế giới và gắn bó mật thiết với nhu cầu xã hội. Trong tình hình đó, Nhà trường chủ trương mở ngành Truyền thông đa phương tiện nhằm tăng cường khả năng phối hợp đào tạo và nghiên cứu liên ngành, phát huy tối đa bản chất của ngành Truyền thông đa phương tiện cũng như bắt nhịp với nhu cầu xã hội với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và năng lực chuyên môn, giỏi ngoại ngữ cung cấp cho thị trường lao động.

Đặc biệt, với định hướng đào tạo chú trọng nâng cao tính thực tiễn, sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện tại Trường không chỉ được đào tạo bài bản về chuyên môn, phát huy khả năng sáng tạo cùng những chuyên đề đặc thù về sáng tạo, thiết kế mà còn được thực hành ngay tại Công ty truyền thông của Nhà trường.

### **1.2.2. Thực trạng đào tạo Truyền thông đa phương tiện tại Việt Nam**

Hiện cả nước có hơn 41.000 người đang công tác tại các cơ quan báo chí (cả 4 loại hình), trong đó có trên 21.000 người được cấp thẻ nhà báo (tăng 725 so với năm 2019). Nguồn nhân lực hoạt động trong các cơ quan báo chí, truyền thông chủ yếu được đào tạo từ các trường chuyên ngành, một bộ phận nhỏ trưởng thành từ thực tiễn, có năng khiếu và say mê nghề báo. Mô hình đào tạo nguồn nhân lực báo chí, truyền thông phổ biến ở Việt Nam hiện nay hướng tới mục tiêu là đào tạo các chuyên gia có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, chuyên biệt về một loại hình báo chí, truyền thông nhất định như: báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, báo mạng và các ngành truyền thông khác. Mô hình đào tạo có tính chuyên biệt như vậy đem lại cho người học những lựa chọn khác nhau, đồng thời tăng cường tính chuyên sâu của mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên, mô hình ấy đã bộc lộ nhiều hạn chế bởi sinh viên chỉ thiên về một loại hình, không phù hợp với sự biến đổi mạnh mẽ của báo chí, truyền thông đang phát triển theo hướng hội tụ, đa phương tiện trong giai đoạn hiện nay. Năng lực chuyên môn của sinh viên hiện nay không bắt kịp với công nghệ và kỹ năng truyền thông đang phát triển rất nhanh, rất mới, vì vậy, sinh viên khó tiếp cận việc làm trong các cơ quan truyền thông đa phương tiện, các tòa soạn hội tụ, các công ty truyền thông đang ngày càng phát triển phổ biến.

Những năm gần đây với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ truyền thông, mạng internet, thiết bị di động cầm tay... đã làm thay đổi căn bản cấu trúc, phương thức truyền thông, từ quá trình sản xuất chương trình, truyền dẫn, thiết lập tương tác, tiếp nhận thông tin của công chúng. Từ đó xuất hiện ngày càng phổ biến mô hình tòa soạn hội tụ các loại hình

Báo chí và Truyền thông đa phương tiện. Công nghệ truyền dẫn internet và các thiết bị đầu cuối, các phương tiện nghe nhìn hiện đại, tiện ích đã trở thành kênh chính thức để công chúng tiếp nhận và trao đổi thông tin. Từ đó hình thành các loại hình báo chí “phi truyền thống” mạng xã hội như Facebook, Twiter, YouTube... tồn tại cùng báo in, truyền hình, báo phát thanh, báo ảnh. Báo chí truyền thống vì vậy đang đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt với các loại hình báo mạng điện tử và các blog cá nhân về tốc độ truyền tin và khả năng tương tác với công chúng. Sự ra đời của công nghệ truyền thông hiện đại và sự thay đổi của mô hình, phương thức hoạt động của báo chí, truyền thông đồng thời cũng thay đổi phẩm chất của nguồn nhân lực cũng như công chúng.

Bối cảnh phát triển chung của báo chí, truyền thông trên thế giới, đang đòi hỏi phải có nhận thức mới về vai trò, sứ mệnh của giáo dục, đào tạo, kết hợp giữa giữa mô hình truyền thống và mô hình hiện đại trong đào tạo nguồn nhân lực. Mấy năm gần đây, một số cơ sở đào tạo báo chí, truyền thông cũng đang chuyển đổi mô hình, đổi mới chương trình, phương thức đào tạo phù hợp với sự thay đổi căn bản của công nghệ truyền thông hiện đại.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, báo chí, truyền thông phát triển theo hướng hội tụ, đa phương tiện, nhà báo đa kỹ năng, đòi hỏi phải đổi mới nhanh chóng mô hình đào tạo có tính chuyên biệt hiện nay. Các cơ sở đào tạo phải đổi mới chương trình, phương thức đào tạo, tăng cường đầu tư công nghệ truyền thông hiện đại mới bảo đảm được chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn báo chí, truyền thông hiện nay.

Báo mạng điện tử cùng với các trang mạng trên internet tạo ra sự tương tác giữa công chúng với tòa soạn và phóng viên ngày càng phổ biến. Sự tham gia, biểu đạt ý kiến của công chúng qua phương tiện báo chí, truyền thông có sức mạnh to lớn đối với sự phát triển xã hội. Vì vậy, đào tạo báo chí, truyền thông cũng cần phải mở rộng đối tượng đào tạo, không chỉ nhằm mục tiêu đào tạo chuyên gia, những nhà báo chuyên nghiệp, mà còn phải đào tạo những người làm báo trong các tổ chức “phi báo chí”, như các mạng xã hội, cổng thông tin

điện tử... của các cơ quan, tổ chức hay cá nhân. Điều đó có nghĩa là các trường đào tạo nguồn nhân lực báo chí, truyền thông không chỉ đào tạo những người làm báo chuyên nghiệp mà còn phải đào tạo năng lực truyền thông và phẩm chất báo chí cho công chúng, để họ tham gia vào quá trình truyền thông xã hội một cách lành mạnh, tích cực.

Điều kiện phát triển của báo chí, truyền thông đa phương tiện, với các quá trình thu thập thông tin, sáng tạo tác phẩm, truyền phát, tiếp nhận thông tin... đòi hỏi sinh viên phải có kiến thức rộng có tính chất liên ngành và phải có năng lực sử dụng công nghệ truyền thông hiện đại. Tuy nhiên, nhìn chung các cơ sở đào tạo hiện nay còn thiếu các phòng thực hành, trong chương trình đào tạo thiên về giáo dục đại cương, nặng truyền thụ kiến thức, ít chú trọng kỹ năng thực hành. Vì vậy, các cơ sở đào tạo cần phải chú trọng giáo dục kỹ năng thực hành, tăng cường các phương tiện thực hành đa phương tiện, như các studio phát thanh, truyền hình, tư liệu ảnh, phòng biên tập đa phương tiện (ảnh, video, audio), các mô hình thực nghiệm sản xuất chương trình... để sinh viên hình thành đầy đủ kỹ năng thiết kế sáng tạo, kỹ năng biểu cảm bằng âm thanh, hình ảnh, độc lập, tự chủ xây dựng tác phẩm, truyền dẫn, thiết lập sự tương tác với công chúng.

Hiện nay, tại Việt Nam có 08 trường Đại học có đào tạo Truyền thông đa phương tiện. Theo thống kê từ Vụ Giáo dục đại học, năm 2020 tất cả có khoảng 840 chỉ tiêu đào tạo. Trong khi đó nhu cầu trên thị trường nguồn nhân lực về chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện là hiện đang thiếu trầm trọng.

**Bảng 1. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành Truyền thông đa phương tiện của các trường đại học tại Việt Nam**

Stt	Tên trường	Chỉ tiêu đào tạo
1	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	50
2	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	120
3	Trường Đại học Công nghệ Thông tin Và Truyền thông - Đại Học Thái Nguyên	60
4	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc	60

	gia Thành phố Hồ Chí Minh	
5	Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh	120
6	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	180
7	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	100
8	Trường Đại học RMIT	150
<b>Tổng chỉ tiêu</b>		<b>840</b>

### 1.2.3. Lý do mở ngành Truyền thông đa phương tiện

Trong lịch sử hình thành và phát triển của mình, các loại hình Báo chí truyền thông như Báo in, Phát thanh, Truyền hình luôn có sự độc lập tương đối với nhau với những đặc thù và thế mạnh riêng. Sự bùng nổ của internet đã tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội và ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của hệ thống báo chí thế giới nói chung. Trước hết, với sự ra đời của báo điện tử (còn gọi là báo mạng), thông tin được cung cấp cho công chúng theo hình thức đa phương tiện sinh động, hấp dẫn hơn. Trong tiếng Anh, “Multimedia” được dịch là “Truyền thông đa phương tiện”, là sự truyền tải một thông điệp bằng sự kết hợp của các loại hình ngôn ngữ viết, ảnh, video, âm thanh, thiết kế đồ họa và các phương thức tương tác khác; các hình thức thể hiện đa diện góp phần tạo nên một bức tranh toàn cảnh đầy đủ thông tin và có sức thuyết phục cao.

Theo hình thức truyền thông thông thường, thông tin được truyền tải mang tính chất đơn nhất về hình thức thể hiện, công chúng chỉ có thể được tiếp cận thông tin bằng cách đọc, nghe hoặc xem, nhưng với phương thức Truyền thông đa phương tiện, tính chất đơn nhất ấy đã bị phá vỡ, khi thể hiện một nội dung thông tin trên các website, người ta có thể vừa thể hiện bằng bản chữ viết (text), vừa trình bày, minh họa bằng hình ảnh (Picture, Video), âm thanh (Audio). Đó là đặc thù của phương thức truyền tải thông tin Truyền thông đa phương tiện. Với cách tiếp cận này, công chúng được tiếp nhận thông tin bằng cách thoả mãn các giác quan khác nhau, tạo nên hiệu ứng tương tác mạnh mẽ nhất so với các loại hình truyền thông truyền thống. Trong một thời gian hình thành và phát triển ngắn, loại hình Truyền thông đa phương tiện đã có một vị trí

khá vững chắc và có thể khẳng định nó sẽ là xu hướng phát triển mạnh mẽ nhất về mặt phương thức truyền thông cả hiện tại và tương lai.

Trong một xã hội hiện đại với sự bùng nổ thông tin, công chúng ngày càng có những nhu cầu cao hơn đối với nội dung cũng như chất lượng thông tin. Phương thức Truyền thông đa phương tiện cho phép công chúng thu nhận thông tin bằng cả hình ảnh, âm thanh, văn bản làm thay đổi cách tiếp cận thông tin của công chúng, nhất là đối với thế hệ trẻ, thế hệ nhạy bén nhất đối với khoa học và công nghệ tạo ra sự phát triển của một lớp công chúng mới của truyền thông. Trái lại, với các loại hình báo chí truyền thống, công chúng đang ngày càng bị phân tâm bởi nhiều hình thức cung cấp thông tin động, hấp dẫn, tiếp cận trên toàn bộ các giác quan, cảm quan: đọc, nghe, nhìn, đối thoại, tham gia trực tiếp... Internet phát triển với sự ra đời của vô vàn các trang tin điện tử, các kênh truyền hình, phát thanh trực tuyến (Online) và các giao thức liên lạc (Email, Chatting) và thoại (Voice) được tích hợp làm thoả mãn tất cả các nhu cầu thông tin của công chúng, bao gồm cả nghe, nhìn, đọc, nói của công chúng.

Internet với đặc trưng tương tác của nó, đã thu hẹp những giới hạn về không gian và thời gian trong việc tiếp cận thông tin trên quy mô toàn thế giới. Cùng với sự phát triển của hệ thống Internet, hàng loạt sản phẩm công nghệ truyền thông mới được phát triển như công nghệ di động với các phương thức truyền dữ liệu tốc độ cao, hay các thiết bị đầu cuối được phát triển theo xu hướng di động hoá, cá nhân hoá cao độ tạo nên một sức mạnh mới mà các loại hình truyền thông truyền thống khó cạnh tranh nổi.

Sự phát triển của công nghệ truyền thông ở Việt Nam cũng đã tạo cho báo chí một hướng đi mới: tích hợp các phương tiện truyền thông. Tính chất đa phương tiện được biểu hiện rõ ràng nhất qua sự tích hợp này. Xu hướng phát triển này là phù hợp với nhu cầu thông tin của xã hội, do vậy đi theo sự phát triển này là sự lựa chọn đúng đắn của các nhà truyền thông. Hay nói cách khác, Truyền thông đa phương tiện là xu hướng phát triển mang tính khách quan đáp ứng nhu cầu thông tin của lớp công chúng mới.



Các tổ chức Truyền thông đa phương tiện hình thành qua hai yếu tố chính. Một là, qua sự hợp nhất các tổ chức Truyền thông truyền thống, các tổ chức viễn thông, công nghiệp giải trí với nhau, tạo ra một “Đế chế thông tin” mạnh mẽ và có phạm vi ảnh hưởng và đối tượng công chúng khổng lồ. Có thể minh chứng cho sự hợp nhất này như hãng Time Warner sát nhập với hãng American Online, là sự kết hợp các phương tiện truyền thông cũ và mới là báo điện tử và báo giấy. Hai là, sự khai thác triệt để thế mạnh và tiềm năng của Internet và các ứng dụng của công nghệ thông tin. Nếu muốn biết được tên của các hãng thông tấn, báo chí trên thế giới, chỉ cần gõ vài chữ tên của nó vào trang tìm kiếm Google, sẽ dễ dàng tìm được đường dẫn đến website của các hãng này trên Internet. Các hãng khác như FOX, BBC, CNN, HBO... đều có những trang chính trên Internet. Sự tồn tại của các hãng này trên Internet không chỉ dừng lại như một phương thức liên lạc đơn thuần mà là một phương thức truyền thông cơ bản của hãng đó. Bill Gates, ông vua của lĩnh vực công nghệ thông tin đã nhận định rằng, truyền thông trên nền Internet sẽ trở nên phổ cập, nhiều hãng viễn thông lớn đang gia cố cơ sở hạ tầng cho viễn cảnh đó. Công chúng sẽ được thưởng thức tất cả các dịch vụ trên một nền tảng duy nhất.

Nền tảng duy nhất, theo quan điểm của Bill Gates về mặt hình thức tổ chức thì là một cơ quan báo chí thống nhất trên có sự hợp thành bởi nhiều cơ quan quản lý báo chí trước đó; về mặt nội dung thì đó là nền tảng công nghệ truyền tải thông tin - Internet và các ứng dụng công nghệ số và các phương thức truyền tải khác nhau. Biểu hiện cụ thể về các sản phẩm báo chí truyền thông đa phương tiện có thể vẫn tồn tại theo hình thức truyền thống vốn có, tuy nhiên người ta có thể tìm thấy tính đa dạng của nó qua các cách truyền tải đồng thời. Ví dụ người ta có thể khai thác thông tin qua kênh truyền hình CNN, nhưng cũng thông tin đó có thể được khai thác trên website của CNN.com, hay cùng một lúc có thể vừa nghe radio, vừa lướt web trên điện thoại di động hoặc xem trên truyền hình một nội dung thông tin do một tổ chức truyền thông đưa ra.

Hệ thống báo chí truyền thông của nước ta cũng đã có bước phát triển chưa từng thấy. Tính đến ngày 31/12/2020, Theo ông Lê Mạnh Hùng - Phó trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương nêu ra thực trạng này tại Hội nghị tổng kết công tác báo chí toàn quốc năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021 diễn ra ở Quảng Ninh. Thực hiện quy hoạch báo chí, trong năm 2020, cả nước đã giảm 71 cơ quan báo chí so với năm 2019. Tính đến thời điểm này, cả nước còn 779 cơ quan báo chí, trong đó có 72 cơ quan có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình; 142 báo, 612 tạp chí, 25 cơ quan báo chí điện tử độc lập. Trong năm 2020, có 61/78 cơ quan báo chí thuộc diện phải sắp xếp, quy hoạch đã thực hiện quy hoạch lại. Nhiều cơ quan báo đã tích hợp lên trang tin điện tử cả nội dung báo in, phát thanh và truyền hình, tiêu biểu như các vov.com.vn; dantri.com.vn, tuoitreonline.com.vn, thanhnieen.com.vn...

Có thể nói, sự phát triển chung của báo chí Việt Nam trong thời gian qua có sự góp phần không nhỏ của sự phát triển về phương thức truyền thông đa phương tiện. Theo báo cáo Digital 2020 của We are social, Việt Nam có 96,9 triệu dân; số lượng thuê bao di động là 145,8 triệu thuê bao (chiếm tỷ lệ 150 % so với tổng dân số cả nước); số lượng người dùng Internet là 68,17 triệu người (chiếm tỷ lệ 70 % số dân); số lượng người dùng mạng xã hội là 65 triệu người (chiếm tỷ lệ 67 % số dân) đây là tốc độ tăng trưởng người dùng Internet nhanh nhất trong khu vực. Việt Nam cũng đã thử nghiệm thành công mạng di động 5G có tốc độ cao nhất hiện nay trên thế giới và sẽ đưa vào sử dụng đại trà trong thời gian tới. Như vậy, cùng với sự phát triển của Internet, báo chí Việt Nam đã từng bước theo kịp trình độ phát triển hiện đại, hội nhập với các đồng nghiệp khu vực và quốc tế, và vẫn còn rất nhiều triển vọng phát triển bứt phá hơn nữa do có điều kiện hạ tầng kỹ thuật tiên tiến và lớp công chúng năng động, thích ứng nhanh với việc sử dụng Internet.

Đơn cử là thị trường viễn thông di động hiện nay tăng trưởng 35 - 40 %/năm, nhưng dịch vụ và nội dung còn rất nghèo nàn với các thiết bị đầu cuối đơn giản và cũng đang có xu hướng bão hòa. Tuy nhiên, trong tương lai khi các

thiết bị di động thông minh ngày càng trở nên phổ biến thì không phải số lượng thuê bao mà nội dung trao đổi trên mạng di động mới là yếu tố bùng nổ với nhiều loại hình dịch vụ khác nhau như truyền hình di động, game di động, thương mại điện tử, thanh toán di động... Điều này đã được chứng minh ở hầu hết các nước tiên tiến.

#### **1.2.4. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ đại học Truyền thông đa phương tiện tại Trường Đại học Phú Xuân**

Từ những phân tích trên trên, Trường Đại học Phú Xuân đề nghị mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện với các lý do sau:

Ngành Truyền thông đa phương tiện có tên trong danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học được ban hành theo thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã ngành: 7320104, Trường Đại học Phú Xuân Huế nhận thấy nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện với các mục đích sau:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và đội ngũ công nhân lao động nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và khu vực trong giai đoạn mới là nhiệm vụ có tính chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Cụ thể, trang bị các kiến thức lý luận lịch sử mỹ thuật và mỹ thuật tạo hình; truyền thông và báo chí để có thể tham gia làm việc tại các công ty mỹ thuật ứng dụng, truyền thông đa phương tiện (công nghệ truyền thông), báo đài hoặc lĩnh vực đa văn hóa, đa phương tiện.

- Áp dụng tốt kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn vào giải quyết các vấn đề trong suốt quá trình học tập, lao động, sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông đại chúng và đồ họa truyền thông; Có kiến thức cơ bản về báo chí và công nghệ truyền thông để tham gia vào trong quá làm việc tại các công ty truyền thông, quảng cáo và báo đài; Có kỹ năng nhận diện, phân tích,

đánh giá và trình bày một sự kiện văn hóa nghệ thuật, sự kiện xã hội cũng như trình bày được một kịch bản truyền thông bằng đồ họa vi tính. Phát triển tốt kỹ năng ngoại ngữ - tin học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khai thác tư liệu tiếng anh chuyên ngành đồ họa truyền thông và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa lĩnh vực;

- Có khả năng thực hiện công việc của nhà đồ họa mỹ thuật truyền thông (Multi Media art designer): Quản lý truyền thông đại chúng; Hoàn thành kịch bản một sự kiện xã hội, văn hóa nghệ thuật; Truyền trải thông tin trước công chúng; Thiết kế các trang báo và tạp chí; Thiết kế quảng cáo (Advertising Designer); Tổ chức sự kiện; Thiết kế Web; Thiết kế ứng dụng cho điện thoại và smart book; Thiết kế các đoạn phim quảng cáo ngắn bằng cách xử lý ảnh, After effect, Premiere; Đồ họa game;

- Có ý thức chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật chung của nhà nước, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân. Xây dựng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tác phong của một người nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh truyền thông đại chúng. Chủ động khai thác nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế để hình thành năng lực thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc đa lĩnh vực, đa văn hóa;

Do đó, việc mở ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của trường Đại học Phú Xuân trước mắt cũng như lâu dài là cấp thiết và có tính bền vững, dài lâu.

## Phần 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

### 2.1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC CƠ HỮU

#### 2.1.1. Giảng viên cơ hữu

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
I	<b>Ngành Kế toán</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 5148/QĐ-BGD&ĐT/ĐH&SDH ngày 26/9/2003)					
1	Nguyễn Vũ Tiến, 1951	Tiến sĩ, Việt Nam, 1997 Nhà giáo ưu tú	Toán Lí (Toán kinh tế)	- 1/1980: Giảng viên Trường Đại học Tổng hợp Huế. - 4/1985: Phó Trưởng Khoa Toán Lý Đại học Tổng hợp Huế - 6/1991: Trưởng Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Huế - 2/1997: Bảo vệ luận án TS Toán Lý 2001: Trưởng phòng Tổ chức ĐH Khoa học Huế - 2006: GD Trung tâm Giảng dạy và Thực hành cơ bản, ĐH Huế - 2009: Phó Ban Đào tạo SDH - ĐH Huế - 2012 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
2	Bùi Thị Hiếu, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế	2006 đến nay: Giảng viên - Trường Đại	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				học Phú Xuân		
3	Đỗ Thị Hồng Cấn, 1993	Thạc sĩ, Úc, 2021	Kế toán	04/2022 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
4	Tô Mỹ Trang, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kế toán	2008 - 6/2018: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân 7/2018 đến nay: Cán bộ tuyển sinh kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Tài chính ngân hàng	2011 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
6	Nguyễn Thị Ngọc Anh, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh, Chuyên ngành Kế toán	2021 đến nay : Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
7	Nguyễn Hoàng Bảo Khánh, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kế toán	2021 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
8	Đặng Kim Dung, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam. 2012	Kế toán	2007 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
9	Lê Ngọc Bảo Châu, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	- 2011 đến 7/2018: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân. - 8/2018 đến nay: Cán bộ Hành chính	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
10	Hồ Văn Hiệp, 1988	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Kế toán	- 2020 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
11	Trần Thị Hương Quỳnh	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế	- 2010 - 7/2022: Giảng viên, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế - 7/2022 đến nay: Giảng viên trường Đại học Phú Xuân		
<b>II</b>	<b>Ngành Quản trị kinh doanh</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 90/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2007; cho phép tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo theo công văn số 4845/BGDĐT-GDĐH ngày 21/9/2015)					
1	Nguyễn Quốc Toàn,	Tiến sĩ, Mỹ, 2004	Kinh tế học	- 5/2004 - 5/2007: Chuyên viên tại Ngân hàng phát triển Châu Á - 01/2007 - 10/2007: Giám đốc điều hành Công ty chứng khoán Âu Việt - 8/2003 - 01/2016: Đồng sáng lập Tổ chức giáo dục Hoa Kỳ (EQUEST) - 9/2012 - 01/2016: Đồng sáng lập công ty cổ phần giáo dục ISMART	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10/2013 - 01/2016: Giám đốc điều hành Tổ chức giáo dục Hoa Kỳ (IAE)</li> <li>- 10/2007 - 02/2016: Đồng sáng lập công ty TNK Capital</li> <li>- 01/2016 - 7/2019: Thành viên Ban giám đốc (partners), phụ trách Khối dịch vụ tư vấn giao dịch tại Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam (EY Việt Nam)</li> <li>- 8/2019 - nay: Giám đốc điều hành tập đoàn EQUEST</li> <li>- 8/2019 - nay: Giảng viên Khoa Công nghệ và Kinh doanh trường Đại học Phú Xuân, Huế</li> </ul>		
2	Phạm Hùng Hiệp, 1984	Tiến sĩ, Đài Loan Trung Quốc, 2018	Quản trị kinh doanh quốc tế	2021 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
3	Ngô Hoàng Oanh, 1969	Tiến sĩ, Nga, 2004	Luật học Đã tham gia 16 đề tài NCKH về	- 2005 - nay: Cộng tác viên nghiên cứu, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ,	Đúng	



Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			chuyên ngành Luật. Xuất bản 09 sách về Luật và 13 công trình khoa học đã công bố trong các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.	Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Việt Nam - 2005 - 2015: Trưởng bộ môn Tư vấn Pháp luật và Hợp đồng, Khoa đào tạo Luật sư, Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp. Tham gia đào tạo môn Luật Dân sự, Kinh tế, tổ tụng dân sự cho sinh viên Khoa Luật, Đại học Quốc gia, Đại học Ngoại thương, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Học viện Quan hệ quốc tế, Trường Đại học kinh doanh. - 7/2019 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Xã hội nhân văn, Trường Đại học Phú Xuân, Huế		
4	Nguyễn Sum, 1948	Tiến sĩ, Việt Nam, 1994 Nhà giáo ưu tú	Kinh tế	- 1975 - 1994: GV Trường Đại học Y Dược Huế - 1995 - 1998: GV Trường Đại học Đại cương, ĐH Huế	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				- 1999 - 2008: Trung tâm Đại học từ xa - 2008: Nghỉ hưu - 2015 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
5	Nguyễn Đoàn Quốc Anh, 1984	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tài chính ngân hàng	- 4/2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
6	Ngô Thị Phương Chi, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	- 4/2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
7	Phan Thanh Phong, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh Có tham gia đề tài nghiên cứu về lao động trong lĩnh vực Du lịch - Khách sạn.	- 2009 - 2011: Giảng viên - Trường Cao đẳng công nghiệp Huế - 2011 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
8	Thái Thị Thu, 1987	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	05/2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Cao Thị Quỳnh	Thạc sĩ, Việt	Quản trị kinh	- 2008 - 2009: Thư	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
	Trâm, 1985	Nam, 2014	doanh	ký giám đốc - Dự án của Hàn Quốc - 2009 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
10	Hoàng Thị Ái Thủy, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	-2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
<b>III Ngành Công nghệ thông tin</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 5148/QĐ-BGD&ĐT/ĐH&SDH ngày 26/9/2003)						
1	Trương Công Tuấn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Công nghệ thông tin	- 1983 - 1995: Giảng viên, Khoa Toán, Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế; - 1995 - 5/2022: Giảng viên/ Tổ trưởng Bộ môn, Phó trưởng khoa CNTT, Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế. - 7/2022 - nay: Trưởng khoa Công nghệ và Kinh doanh, Trường Đại học Phú Xuân.		
2	Đỗ Hoàng Tùng, 1979	Tiến sĩ, CHLB Đức, 2009	Vật lý	5/2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
3	Trần Văn Long	Tiến sĩ, Pháp,	Công nghệ	- 7/2004-11/2006:		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
		2019	thông tin (Khoa học máy tính)	Giảng viên Trung tâm CNTT Tỉnh Thừa Thiên Huế - 11/2006 - 5/2011: Giám đốc Trung tâm đào tạo Lập trình viên Quốc tế Hue-Aptech - 5/2011 - 10/2019: Giảng viên Khoa CNTT - Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế - 3/2019 - 12/2019: Sáng lập viên, quản lý nhóm Nghiên cứu và phát triển các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI Lab) - 01/2020 - 02/2020: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh trường Đại học Phú Xuân - 02/2020 đến nay: Trưởng Khoa Công nghệ & Kinh doanh và Trưởng phòng Đào tạo- Trường Đại học Phú Xuân		
4	Châu Đức Phú, 1983	Tiến sĩ, Pháp, 2012	Tin học	2005 đến nay: Giảng viên - Trường Đại		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				học Phú Xuân		
5	Phan Thanh Vũ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Khoa học máy tính	2007 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân		
6	Trần Văn Long	Tiến sĩ,	Công nghệ thông tin	2020 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân.		
7	Cao Thị Thu Trang	Cử nhân, Việt Nam, 2003	Thể dục thể thao	- 8/2003 - 7/2018: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân - 8/2018 - 2021: Giảng viên kiêm cán bộ Phòng Tư vấn chiêu sinh, Trường Đại học Phú Xuân. - 2021- nay: Giảng viên kiêm cán bộ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
8	Châu Thị Dung, 1977	Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Khoa học (Tin học)	- 1999 - 2005: Giáo viên - Trường THPT An Lương Đông - 2005 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Nguyễn Đình Hoàng Phương, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học máy tính	2021 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
10	Hoàng Trần Thy Ngọc, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Khoa học máy tính	4/2020 - nay: Giảng viên - Khoa Công nghệ và kinh doanh, Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Hoàng Thịnh, 1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	- 4/2020 - nay: Giảng viên - Khoa Công nghệ và kinh doanh, Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
10	Trần Thị Minh Thảo, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Công nghệ thông tin	2003 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
<b>IV</b>	<b>Ngành Ngôn ngữ Anh</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 5148/QĐ-BGD&ĐT/ĐH&SDH ngày 26/9/2003)					
1	Lê Thị Thanh Trúc, 1975	Tiến sĩ, Úc, 2016	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
2	Hồ Thị Hạnh Tiên, 1974	Tiến sĩ, Úc, 2016	Giáo dục học	2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
3	Nguyễn Phước Hồng Châu, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007 NCS tiến sĩ	Giáo dục học (Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh)	2008 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân Đang làm NCS tiến sĩ tại Hoa Kỳ	Đúng	
4	Văn Thị Minh	Thạc sĩ, Việt	Giáo dục học	- 2001 - 2004:	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
	Châu, 1979	Nam, 2008	(Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh)	Chuyên viên - Trường THPT Quốc Học, Huế - 2008 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
5	Lê Thị Diệp Hương, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
6	Nguyễn Thị Thanh Thanh, 1991	Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Sư phạm Tiếng Anh	2015 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
7	Trần Thị Minh Châu	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh	8/2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân.		
8	Trần Thị Thanh Hà, 1975	Thạc sĩ, Úc, 2004	Phương pháp giảng dạy tiếng anh	2021 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
<b>V</b>	<b>Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 5148/QĐ-BGD&ĐT/ĐH&SDH ngày 26/9/2003)					
1	Trần Truyền Tuấn, 1980	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2016	Ngôn ngữ học	2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch, trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
2	Lê Thị Mỹ Châu, 1980	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2012	Văn tự ngôn ngữ Hán	4/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				và Du lịch trường Đại học Phú Xuân		
3	Nguyễn Thùy Dương, 1989	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2014	Giáo dục Hán ngữ quốc tế	4/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
4	Trần Thị Hương, 1972	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2006 NCS tiến sĩ	Văn học Hiện - Đương đại Trung Quốc	- 1997 - 2003: CB Trung tâm KH XH và NV, ĐH Huế - 2003 - 2006: Học cao học - Đại học Sơn Đông, Trung Quốc - 2008 đến nay: Trường Đại học Phú Xuân - Giảng viên (2008) - Cán bộ phòng Giáo cụ và CTSV kiêm giảng viên (2013 - 2015) - Giảng viên (2015 đến nay)	Đúng	
5	Nguyễn Thiên Hương, 1975	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2011	Giáo dục Hán ngữ quốc tế	- 1997 - 2003: Cty liên doanh Khách sạn Century Huế - 2004 đến nay: Trường Đại học Phú Xuân: - CB Phòng GV-CTSV kiêm giảng	Đúng	



Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				viên (2004 - 2006) - Học Trường ĐH Trung Sơn, Quảng Đông, Trung Quốc (2006 - 2007) - Giảng viên (2008). Học cao học tại Trung Quốc - CB Phòng GV-CTSV kiêm giảng viên (2011 - 2016) - Giảng viên (2016 đến nay)		
6	Phan Thị Lan Phương, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngôn ngữ học	2019 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú xuân	Đúng	
7	Hoàng Thị Quỳnh Trang, 1979	Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Văn học (Trung Quốc)	4/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
8	Nguyễn Thị Hà, 1995	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2018	Văn học Trung Quốc	- 10/2022 - nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân.		
9	Kiều Huy Hòa, 1980	Thạc sĩ, Úc, 2012	Ngôn ngữ học	2021 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
<b>VI</b>	<b>Ngành Việt Nam học</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 617/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH ngày 02/02/2005 - với tên ngành “Văn hoá du lịch”)					
1	Bùi Quang Tuyển, 1958	Tiến sĩ, Việt Nam, 2002	Ngữ văn (Văn học Việt)	- 2006 đến nay: Trường Đại học Phú	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Nam)	Xuân - Giảng viên ngành Văn hóa Du lịch (2006 - 2010) - Trưởng ngành văn hóa Du lịch - Trưởng khoa Xã hội nhân văn - Trưởng khoa Ngoại ngữ và Xã hội nhân văn (7/2018 - 01/2020) - Giảng viên trường Đại học Phú Xuân (1/2020-nay)		
2	Hoàng Thị Tân Giao, 1971	Thạc sĩ, Pháp, 2004	Di sản, văn hóa, giải trí	- 1998 - 1999: Trợ lý Trưởng phòng chất lượng và phương thức sản xuất - Công ty Schneider Electric, Pháp - 2000 - 2003: Trưởng phòng thiết kế - Công ty Design International, Pháp - 2004 - 2005: Trợ lý Giám đốc Nhân sự - Công ty Philips Lighting, Hà Lan - 2006 - 2007: Chuyên viên cấp cao thiết kế web và	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				mutimedia - Công ty PurpleAsisa, Anh - 2008 - 2010: Trưởng phòng thiết kế - Công ty HereUare, Mỹ - 11/2010 đến nay: Chủ cơ sở Về Cội; Thiết kế - điều hành Tour - Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nét Huế - 2018 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
3	Nguyễn Dũng Minh, 1971	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Giáo dục học	2004 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
4	Dương Thị Hải Vân	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Dân tộc học	2020 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
5	Nguyễn Thị Quyên, 1984	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Triết học	- 2007 - 2008: Giảng viên - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng - 2008 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
6	Nguyễn Hồng Sơn, 1957	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Quản lý giáo dục Giảng dạy các môn: Tâm lý	- 1982 - 1989: Chuyên viên phòng Quản lý NCKH và đào tạo bồi dưỡng	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			học, Xã hội học	Giảng viên - Trường Đại học Sư phạm Huế. - 2005 đến nay: Trường Đại học Phú Xuân: - Chuyên viên đào tạo (2005 - 2008) - Trưởng ban Thanh tra và Đảm bảo chất lượng kiêm giảng viên (2009 - 8/2018) - Phó Trưởng ban Quản lý dự án kiêm giảng viên (7/2018 đến nay)		
7	Hoàng Bá Lộc, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	- 2011 - 2014: Giảng viên, Trường CADASA, TP Hồ Chí Minh; - 2015 - 2016: Trưởng phòng QTKD, Tập đoàn DIC Đà Nẵng; - 2017 - 2022: Phó giám đốc kinh doanh, Công ty Hưng Phát tại Huế; - 2022 - nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân		
<b>VII</b>	<b>Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (Ngành đã được cho phép đào tạo theo</b>					

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
quyết định số 2102/QĐ-BGDĐT ngày 23/7/2019)						
1	Lê Thị Châu Hà, 1968	Tiến sĩ, Anh, 2008	Địa lý	- 2007 - 2013: Giảng viên chính - Trường Đại học Thủy lợi - 2013 - 6/2018: Nghiên cứu viên chính - Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung - Tây Nguyên - 7/2018 đến nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
2	Đàm Quang Minh, 1979	Tiến sĩ, Đức, 2007	Khoa học tự nhiên (Địa chất học)	- 2001 - 2007: Giảng viên - Đại học Quốc gia Hà Nội - 2007 - 2009: Trợ lý Chủ tịch HĐQT, GD dự án Trường Phổ thông FPT - Công ty CP FPT - 2009 - 2014: Trường Đại học FPT - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm GD điều hành - Công ty CP Tổ chức Giáo dục Hoa Kỳ - 2014 - 2016: Trường Đại học FPT - 2017 - 2018: Hiệu trưởng - Trường Đại học Thành Tây	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				- 2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Hiệu trưởng - Trường Đại học Phú Xuân		
3	Châu Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục học (Lý luận và Phương pháp dạy học môn Vật Lý)	11/1999-6/2013: Giảng viên, Trường THPT Hương Vinh; 7/2013-7/2022: Giảng viên, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế. 7/2022-nay: Trưởng phòng Tổng hợp, Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
4	Trương Thị Diệu, 1984	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Địa lý học (Địa lý du lịch)	2008 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
6	Nguyễn Đình Dũng, 1972	Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Khoa học Xã hội và Nhân văn	- 1996 - 2007: Cán bộ nghiên cứu - Bảo tàng Hồ Chí Minh, TT Huế - 2007 đến nay: Trường Đại học Phú Xuân - Giảng viên (2007 - 2015) - Giảng viên kiêm Cán bộ đảm bảo chất lượng (2015 đến nay)	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
7	Hoàng Anh Đức, 1990	Thạc sĩ, Hà Lan, 2017	Quản lý	- 4/2013 - 12/2017: Giảng viên Trường Đại học FPT - 8/2018 đến nay: Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu và Thực hành giáo dục kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
8	Nguyễn Thị Phương, 1991	Thạc sĩ, Tây Ban Nha, 2017	Đổi mới và Marketing du lịch	- 2013 - 2014: Trưởng phòng Marketing - Công ty TNHH Du lịch Nha Trang - 2014 - 2015: Trưởng phòng Marketing - IEMC Global International Education Company, Úc - 7/2018 đến nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Huỳnh Phương Thảo, 1988	Thạc sĩ, Tây Ban Nha, 2014	Du lịch	2012 - 2017: Giám đốc Marketing - Công ty TNHH Du lịch Ban Mai 2018 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
<b>VIII Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 648/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2021)</b>						
1	Phạm Tuấn Anh, 1982	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Điều khiển và Tự động hoá	6/2020- nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
2	Nguyễn Tiến Đông, 1979	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhật Bản, 2009	Cơ khí	6/2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
3	Nguyễn Văn Anh, 1974	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kỹ thuật cơ khí động lực	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
4	Hoàng Văn Hùng, 1980	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2011	Kỹ thuật điện tử - máy tính	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
5	Hồ Hoàng Châu, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tự động hóa	- 2009 - 2018: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân - 7/2018 đến nay: Cán bộ tuyển sinh kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
6	Hồ Sỹ Xuân Diệu, 1958	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Kỹ thuật động cơ nhiệt	- 1995 - 2018: Giám đốc trung tâm đăng kiểm xe cơ giới TT Huế; Giảng dạy lớp Hợp tác Pháp Việt INSA Valde Loire tại ĐH Sư phạm Huế, tham gia giảng dạy lớp Thạc sĩ cơ khí	Đúng	



Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				công nghệ tại trường Đại học sư phạm Huế, Đại học Nông Lâm - 6/2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân		
7	Nguyễn Thành Nhân, 1987	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật - Cơ khí động nhiệt	8/2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
8	Nguyễn Quân, 1974	Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Cơ khí động lực	-10/2004 - 5/2005: Giảng viên Khoa Động lực, Trường CĐCN Huế -05/2005 - 6/2012: Trưởng khoa động lực, Trường CĐCN Huế -10/2011 - 3/2016: Phó Hiệu trưởng, Trường CĐCN Huế -03/2016 - nay: Quản lý Xưởng cơ điện Diên Hoà, Huế -8/2020- nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
9	Lê Thanh Tuấn, 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật cơ khí động lực	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
10	Nguyễn Huy	Thạc sĩ, Việt	Kỹ thuật cơ	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
	Phuong, 1980	Nam, 2016	khí	Xuân		
11	Nguyễn Minh Mẫn, 1982	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kỹ thuật - Điện tử	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
12	Trần Hòa, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật cơ khí động lực	2022 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
<b>IX</b>	<b>Ngành Quản trị khách sạn</b> (Ngành đã được cho phép đào tạo theo quyết định số 650/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2021)					
1	Nguyễn Thị Thanh Nga, 1974	Tiến sĩ, Pháp, 2010	Lịch sử và văn minh, chuyên nghiên cứu về du lịch	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
2	Từ Lê Như Tâm, 1988	Thạc sĩ, Úc, 2020	Khách sạn	2021 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
3	Nguyễn Thị Thu Thủy, 1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	2008 đến nay: CB Phòng Kế toán - Tài chính kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
4	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm, 1968	Thạc sĩ, Candana, 1999 - Pháp, 2004	Quản lý và hoạch định du lịch (Canada) và Du lịch và Khách sạn Quốc tế (CH Pháp)	1992 - 1997: Hướng dẫn viên du lịch và điều hành tour tại Sở Du lịch Tỉnh Thừa Thiên Huế 2000 - 2007: Giảng viên Trường Đại học Kinh tế, Huế 2008 - 7/2019: Giảng	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				viên Khoa Du lịch, Đại học Huế 8/2019 đến nay: Giảng viên, Trưởng ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Trường ĐH Phú Xuân		
5	Phan Thị Thu Hằng, 1967	Thạc sĩ, Singapore, 2010	Quản trị dịch vụ và khách sạn quốc tế	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
6	Bùi Thị Minh Châu, 1992	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Hóa lý thuyết và Hóa lý	-5/2022 - nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân.		
7	Hà Thị Thu Thủy, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	2020 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
8	Nguyễn Xuân Thanh, 1994	Thạc sĩ, CH Chzech, 2019	Quản trị kinh doanh	- 01/2005 - 01/2006: Phó Giám đốc Tâm Việt, Huế - 02/2016 - 5/2016: Nhân viên logistics tại Công ty Scavi, Huế - 7/2016 - 10/2017: Trưởng phòng Marketing công ty TNHH SOTA - 9/2019 - nay: Trưởng bộ phận phát triển dự án tại công ty Quỹ đầu tư phát	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				triển AIO - 11/2019 - nay: Giảng viên Khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân		
9	Trần Quang Hào, 1972	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	2020 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
<b>X</b>	<b>Ngành Thiết kế nội thất</b> (Ngành do Trường tự chủ đào tạo theo quyết định số 198/QĐ-PXU ngày 31/8/2022)					
1	Nguyễn Vũ Trọng Thi ,1987	Tiến sĩ, Italia 2016	Kiến trúc	- 2011 - 2012 Công ty Cổ phần H.U.E Group, Huế, Việt Nam Thực tập sinh Kiến trúc - 2012 - 2013 Trung tâm Tư vấn Kiến trúc và Ứng dụng Địa chất, Đại học Khoa học, Đại học Huế - Kiến trúc sư - cán bộ nghiên cứu - 2012 - 2016 Khoa Kỹ thuật dân dụng, Công trình và Kiến trúc - Trường Kỹ thuật, ĐH Bách khoa Marche, Italia - Nghiên cứu sinh - 2016 - 2017 Viện Kiến tạo và Hợp tác	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				phát triển tỉnh TT-Huế Nghiên cứu viên - 2017 - 2021 Trường CĐ Công nghiệp Huế, Bộ Công Thương - 2021- Nay Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
2	Hò Việt 1986	Tiến sĩ, Belarus, 2018	Toán lý	- 2008 - 2009 Trường Đại học tổng hợp Quốc gia Belarus - Thạc sĩ chuyên ngành Vật lý Vật liệu mới và công nghệ - 8/2009 - 12/2009 Giảng viên Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị - 2010 Giảng viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế - 2014 - 2018 Trường Đại học tổng hợp Quốc gia Belarus - Tiến sĩ chuyên ngành Vật lý bán dẫn - 2021 - Nay Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
3	Nguyễn Hữu Long Phụng 1988	Tiến sĩ, Italia 2017	Kiến trúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2012 - 2013 Cán bộ Trung tâm Tư vấn thiết kế và Ứng dụng địa chất - Đại học Khoa học - Đại học Huế.</li> <li>- 2014 - 2017 Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Trường ĐH Bách khoa Marche, CH Italia</li> <li>- 2018 - 2021 Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoa lư - Huế</li> <li>- 2019 - Nay Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thiết kế kiến trúc và nội thất Alpha</li> <li>- 2021 - Nay thành viên Ban quản lý dự án Suối voi - Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoa lư - Huế</li> <li>- 2021 - Nay Giảng viên Đại học Phú Xuân</li> </ul>	Đúng	
4	Trần Hữu Trung, 1973	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Lịch sử thế giới	1996 - 2006: Trường THPT chuyên	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				KonTum 2006 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
5	Nguyễn Thị Hoài Phúc, 1985	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Dân tộc học	2008 đến nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
6	Nguyễn Hữu Chúc, 1980	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2009	Kỹ thuật công nghiệp	- 2/2011 - 12/2013: Nghiên cứu viên tại Trường Đại học Wollongong, Úc; - 2/2014 - 8/2016: Giảng viên, Tổ Trưởng Bộ môn Cơ điện tử, Phó Khoa Cơ khí, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế; - 8/2016 - nay: Trưởng Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế; - 12/2016 - nay: Giám đốc Trung tâm ươm tạo Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế; - 6/2020 - nay: Giảng viên Trường Đại học	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Phú Xuân		
7	Phan Thanh Đàm 1978	Thạc sĩ, Việt Nam 2018	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật	Tháng 1/2022 đến nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
8	Hoàng Quốc Hùng, 1990	Thạc sĩ, Thái Lan, 2016	Mỹ thuật (Nghệ thuật thị giác)	Tháng 8/2018 đến nay: CB tuyển sinh kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Trần Ngọc Tuệ	Thạc sĩ, Việt Nam 2012	Quy hoạch	Tháng 1/2022 đến nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
10	Hồ Thị Ngọc Hân, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020; Thạc sĩ, NewZealand, 2005	Lý luận và phương pháp giảng dạy; Quản lý Thông tin và Thư viện	- 2003 - 2006: Chuyên viên Phòng Tài nguyên Thông tin, Trung tâm học liệu ĐH Huế; - 2007 - 2014: Trưởng phòng Tài nguyên Thông tin, Trung tâm học liệu ĐH Huế; - 2015 - 5/2019: Trưởng phòng Hành chính đối ngoại, Trung tâm học liệu ĐH Huế; - 6/2019-nay: Giám đốc công ty dịch	Đúng	



Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				thuật và Dịch vụ Giáo dục; - 6/2020-nay: giảng viên Trường ĐH Phú Xuân.		
<b>XI</b>	<b>Ngành Công nghệ thực phẩm</b> (Ngành do Trường tự chủ đào tạo theo quyết định số 197/QĐ-PXU ngày 31/8/2022)					
1	Trần Thị Ái Luyến (1983)	Tiến sỹ Việt Nam (2019)	Hóa hữu cơ	- 2007 - 2021: Giảng viên Trường Cao đẳng Du lịch Huế. - 2022 - nay: Giảng viên trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
2	Nguyễn Thị Thu Liên	Tiến sĩ, Đơn Mạch, 2007	Sinh học/Tảo học	- 1989 - 4/2015: Giảng viên, giảng viên chính - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế - 4/2015 - 4/2020: Giảng viên cao cấp, Trưởng bộ môn Công nghệ tế bào, Phó viện trưởng Viện công nghệ sinh học; - 5/2020 - nay: Cố vấn khoa học, Trung tâm NC và PT Vùng duyên hải; Viện nghiên cứu và ứng dụng KHCN, Trường ĐH Khoa học, ĐHH - 2022 - nay: Giảng	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				viên Trường Đại học Phú Xuân.		
3	Võ Thị Mai Hương	Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Sinh lý thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1982 - 2006: Giảng viên, Khoa sinh học, Đại học Tổng hợp (ĐH KH)</li> <li>- 2006 - 2016: Giảng viên kiêm cán bộ quản lý Phòng Khoa học, Công nghệ - Hợp tác quốc tế - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế</li> <li>- 2016 - 2019: Giảng viên, Khoa Sinh học, Đại học Khoa học, Đại học Huế;</li> <li>- 2019 - nay: Tham gia NCKH và đào tạo sau đại học khi được mời</li> <li>- 2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân.</li> </ul>	Đúng	
4	Nguyễn Thị Thu Lan	PGS, TS, Việt Nam, 1993	Hóa hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 12/1981 - 1997: Cán bộ giảng dạy, Khoa Hóa học - Đại học Khoa học, Đại học Huế;</li> <li>- 1997 - 2005: Phó phòng Quản lý mảng</li> </ul>		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Khoa học, Phòng Khoa học đối ngoại, Đại học Khoa học, Đại học Huế - 2005 - 2018: Chủ nhiệm bộ môn Hóa Hữu cơ 2009 - 2015.		
5	Huỳnh Văn Ngọc	TS, Hàn Quốc, 2014	Khoa học Nano	<p>- 2001 - 2006: Nghiên cứu viên, Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Vũ trụ, Viện Vật Lý và Điện tử, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; số 18, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam;</p> <p>- 2007 - 2009: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ Vũ trụ, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; số 18, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam;</p> <p>- 2009 - 2014: Nghiên cứu sinh Thạc sĩ và Tiến sĩ, Viện nghiên cứu tiên tiến về Công nghệ</p>		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				<p>nano, Đại học Sungkyunkwan; Suwon, Hàn Quốc;</p> <p>- 2011 - 2012: Thực tập sinh, Viện Nghiên cứu tiên tiến về Công nghệ Samsung; Suwon, Hàn Quốc;</p> <p>- 2014 - 2016: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ, Khoa Vật lý, Đại học Sungkyunkwan; Suwon, Hàn Quốc;</p> <p>- 2016 - 2018: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ, Khoa Khoa học Vật liệu, Viện nghiên cứu tiên tiến về Khoa học và Công nghệ Nhật Bản; 1-1 Asahidai, Nomi, Ishikawa 923-1292, Nhật Bản;</p> <p>- 2018 - nay: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ, Khoa Công nghệ Sinh học, Đại học Kỹ thuật Đan Mạch; 2800 Kgs. Lyngby, Đan Mạch;</p>		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				- 2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân.		
6	Nguyễn Duy Thuận	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Động vật học	- 10/2004 - 7/2014: Nghiên cứu viên, Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; - 8/2014-8/2020: Nghiên cứu viên, Giảng dạy, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; - 9/2022 - 8/2022: Nghiên cứu viên, Phụ trách đào tạo, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Đại học Huế. - 9/2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân.		
7	Lê Thị Kim Anh (1984)	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Công nghệ thực phẩm	- 10/2011 - 4/2013: Cử nhân công nghệ thực phẩm, đảm nhiệm công tác xét nghiệm Hóa lý - Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bồ Trách, Quảng Bình;	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				<p>- 5/2013 - 11/2016: Phó trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, phụ trách công tác Tổ chức cán bộ - Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bồ Trạch, Quảng Bình</p> <p>- 12/2016 - 02/2017: Phó trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, phụ trách công tác Tổ chức cán bộ - Trung tâm Y tế huyện Bồ Trạch, Quảng Bình;</p> <p>- 3/2017 - 4/2018: Phó trưởng khoa Vệ sinh an toàn thực phẩm - Trung tâm Y tế huyện Bồ Trạch, Quảng Bình;</p> <p>- 5/2018 - 10/2021: Thạc sỹ CNTP công tác tại khoa Y tế công cộng - Trung tâm Y tế huyện Bồ Trạch, Quảng Bình;</p> <p>- 11/2021 - Nay: Phó trưởng khoa Y tế công cộng - Trung tâm Y tế huyện Bồ</p>		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Trạch, Quảng Bình - 2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân		
8	Nguyễn Thị Kim Chi (1986)	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Công nghệ thực phẩm	- 2009 - nay: Công chức, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm - 2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Vũ Thị Thu Giang (1985)	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Công nghệ thực phẩm	- 4/2008 - 01/2009: Trưởng ca sản xuất, Công ty cổ phần cà phê Trung Nguyên; - 4/2009 - 3/2011: Nhân viên KCS, Công ty CPĐTXNK cà phê Tây Nguyên; - 24/3/2011 - nay: Nhân viên, Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Tây Nguyên - 2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
10	Nguyễn Quốc Khánh (1989)	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Công nghệ thực phẩm	2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
11	Nguyễn Thị Hồng Lĩnh (1980)	Thạc sỹ, Việt Nam, 2014.	Công nghệ thực phẩm	- 2005 - 3/2011: Giáo viên Trường CĐ Kỹ thuật Kinh tế Quảng	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				<p>Nam.</p> <p>- 3/2011 - 12/2012: Chuyên viên, Phụ trách công tác ATTP lĩnh vực nông nghiệp, Phòng Quản lý chất lượng - Sở NN&amp;PTNT Quảng Nam.</p> <p>- 12/2012 - 6/2021: Chuyên viên, Phó trưởng phòng Phụ trách công tác Chi cục Quản lý chất lượng nông sản và thủy sản.</p> <p>- 7/2021 - nay: Chuyên viên, phụ trách công tác ATTP lĩnh vực nông nghiệp - Phòng Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản - Sở NN&amp;PTNT Quảng Nam.</p> <p>- 2022 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân</p>		
12	Phan Thị Loan (1983)	Thạc sỹ, Việt Nam, 2012	Công nghệ thực phẩm	<p>- 2007 - 2021: Giảng viên Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên</p> <p>- 2022 - nay: Giảng</p>	Đúng	



Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				viên Trường Đại học Phú Xuân		
13	Nguyễn Thị Hồng Ngân (1964)	Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Kỹ thuật	- 2002 - nay: Giảng viên Trường CĐ Lương thực - Thực phẩm; - 02/2022 - nay: Giảng viên Trường ĐH Phú Xuân;	Đúng	
<b>XII Ngành Quan hệ công chúng</b> (Ngành do Trường tự chủ đào tạo theo quyết định số 009/QĐ-PXU ngày 13/01/2023)						
1	Nguyễn Đăng Khang	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Báo chí	- 9/2001 - 11/2002: Phóng viên Ban thời sự chính trị, báo Công an nhân dân - 12/2002 - 10/2011: Phó Đội trưởng Đội tuyên truyền Phòng Công tác chính trị, Công an tỉnh Bắc Giang. - 11/2011 - 0/2015: Phó Trưởng phòng Phòng Chuyên đề, Trung tâm phát thanh truyền hình Công an nhân dân, Bộ Công an - 6/2015 - Nay: Ban thời sự truyền hình, Cục truyền thông CAND, Bộ Công an	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				- 2022 - Nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân		
2	Nguyễn Hồng Hà	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Báo chí học	<p>- 9/1997 - 2015: Phóng viên Ban Khoa giáo - Đài truyền hình Việt Nam</p> <p>- 2015 - Nay: Ban Khoa giáo - Đài truyền hình Việt Nam</p> <p>- 2022 - Nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân</p>	Đúng	
3	Lê Thị Quỳnh Nga	Tiến sĩ, Việt Nam	Kinh tế học	<p>- 5/2011 - 12/2012: Chuyên viên nghiên cứu, Công ty Nghiên cứu và Tư vấn Đông Dương (Indochina Research and Consulting).</p> <p>- 9/2014 - 9/2019: Nghiên cứu sinh Tiến sĩ, Khoa Kinh Tế và Trường chính sách công UNU-MERIT, Đại học Maastricht.</p> <p>- 02/2020 - nay: Chuyên viên, Tổ Chức lao động Thế giới, Geneva, Thụy Sĩ</p>	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Sĩ; - 01/2020 - nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân;		
4	Ngô Thị Hằng Nga	Tiến sĩ, Úc, 2017	Giáo dục học (Ngôn ngữ)	<p>- 02/2008 - 6/2012: Trưởng bộ môn Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Trường Đại học Tây Bắc.</p> <p>- 8/2017 - 5/2018: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các Dân tộc Tây Bắc, Trường Đại học Tây Bắc.</p> <p>- 12/2017 - 8/2022: Giám đốc Học thuật, SACE College Vietnam.</p> <p>- 2022 - Nay: Giám đốc điều hành, Trường Tiểu học và THCS Brendon Văn Hiến, 18C Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội</p> <p>- 2021 - Nay: Giảng viên kiêm Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Thực hành giáo dục,</p>		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Trường Đại học Phú Xuân;		
5	Đào Hồng Thu, 1954	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Ngữ văn	- 2000 - 2003: Trưởng bộ môn Ngôn ngữ học và Việt học - Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội - 2003 - 2005: Đại học Sư phạm Sant Peterburg, LB Nga - 2006 - 2009: Giảng viên - Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. - 2018 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân.		
6	Bạch Ngọc Chiến	Thạc sĩ, Úc, 2000	Ngoại giao thương mại	- 12/2007 - 3/2014: Tổng Biên tập, Đài VTV4: Ban truyền hình đối ngoại Đài truyền hình Việt Nam. - 3/2014 - 8/2019: Phó Chủ tịch, UBND Tỉnh Nam Định, Việt Nam. - 9/2019 - 4/2020: Phó Chủ tịch, Liên hiệp các tổ chức hữu		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				nghị Việt Nam (VUFO). - 2020 - nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn EQuest, Giám đốc điều hành khu vực miền Bắc; - 2022 - nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân.		
7	Lê Đức Trung, 1960	Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Quản trị kinh doanh	-1985 - 1989: Chuyên viên phụ trách giá - Sở Thương nghiệp Bình Trị Thiên. - 1989 - 1993: Chuyên viên kế hoạch - tổng hợp, trưởng phòng Quản lý hành chính thương nghiệp - Sở thương mại Quảng trị - 1993 - 2004: Chuyên viên kế hoạch nghiệp vụ, Thanh tra viên, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Sở Du lịch Thừa Thiên Huế - 2004 - 2016: Phó hiệu trưởng - Trường		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Cao đẳng nghề du lịch Huế. - 2017 - nay: Hiệu trưởng - Trường Cao đẳng Du lịch Đà Nẵng - 8/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Xã hội nhân văn, Trường Đại học Phú Xuân, Huế		
8	Lê Thị Linh Chi, 1990	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh Đã công bố 1 đề tài khoa học năm 2019 trên Tạp chí The 6 <sup>th</sup> international postgraduate student colloquium, 2019 Đang tham gia 1 đề tài nghiên cứu khoa học quốc tế cấp Hội thảo quốc tế tại Thái Lan năm bất	- 02/2013 - 3/2020: Chuyên viên Trường Cao đẳng Công nghiệp, Huế. - 4/2020 - nay: Giảng viên Khoa Công nghệ và Kinh doanh trường Đại học Phú Xuân		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			đầu 2019			
9	Huỳnh Quốc Tuấn, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	- 4/2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân		
10	Hồ Quốc Thịnh, 1973	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh	- 4/2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân		
11	Nguyễn Thị Tâm, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Giáo dục học (Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh) dạy tiếng Anh	2004 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
12	Nguyễn Trọng Nghĩa, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Việt Nam học	- 2009 - 2018: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân (ngành Văn hóa du lịch) - 8/2018 đến nay: CB tuyển sinh kiêm giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân		
13	Lê Thị Quỳnh Trang, 1986	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị Kinh doanh	- 12/2008 - 8/2022: Giảng viên, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế; - 9/2022 - nay: Giảng		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				viên, Trường Đại học Phú Xuân.		

### 2.1.2. Giảng viên cơ hữu mở ngành Truyền thông đa phương tiện

Ngành do Trường tự chủ đào tạo theo quyết định số 009/QĐ-PXU ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Đặng Thị Huyền	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Báo chí	- 1992 - 2007: Phóng viên Báo An ninh Hải Phòng và Báo an ninh Thế giới - 2007 - 2008: Công tác thư ký tòa soạn, Phó Ban và Phó Ban phụ trách phóng viên Chuyên đề An ninh Thế giới thuộc Báo Công an Nhân dân - 2018 - Nay: Trưởng ban ban kinh tế - Pháp luật Báo Công an Nhân dân	Đúng	Giảng viên chịu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.



Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				- 2022 - Nay: Giảng viên trường Đại học Phú Xuân		
2	Nguyễn Đăng Khoa, 1982	Tiến sĩ, LB Nga, 2012	Khoa học kỹ thuật	- 2021 đến nay: Giảng viên - Trường Đại học Phú Xuân; - 01/2009 - 7/2012: Nghiên cứu sinh, Đại học Bách Quốc Gia Bách Khoa Xanh-Petecbua, LB Nga. - 9/2008 - 12/2008: Lập trình viên cao cấp, Công ty TMA Solutions, Việt Nam.	Đúng	
3	Thân Trọng Huy 1960	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học vật liệu (Vật liệu điện tử)	- 2005 Trường Đại học Phú Xuân - Giảng viên, Trưởng ngành Điện, điện tử - Khoa Công nghệ (1/2005 - 2013) - Phó trưởng khoa Khoa Công nghệ (2008 - 2013) - Trợ lý hiệu trưởng kiêm giảng viên (2013 - 2018) - Trưởng phòng	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				TC-HC kiêm giảng viên (7/2018 - 9/2019) - Trợ lý hiệu trưởng kiêm giảng viên (10/2019 đến nay)		
4	Trần Thị Mỹ	Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ học	- 8/2003 - 7/2018: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân - 8/2018 - 2021: Giảng viên kiêm cán bộ Phòng Tư vấn chiêu sinh, Trường Đại học Phú Xuân. - 2021- nay: Giảng viên kiêm cán bộ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Phú Xuân.	Đúng	
5	Nguyễn Ngọc Anh	Tiến sĩ, Pháp, 2022	Khoa học vật liệu (Điện toán thần kinh)	2022 - Nay: Giảng viên Trường Đại học Phú Xuân.	Ngành gần	
6	Trần Thị Phương Hoa	ThS	Tư liệu đa phương tiện, hình ảnh và Hệ thống thông tin (Pháp)	- 2020 - 2022: Trưởng bộ phận Quản lý dự án - Ngân hàng Kiên Long, Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP ODE,		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				<p>Tập đoàn Sunshine.</p> <p>- 2017 - 2020: Thành viên HĐQT, Đại học Phenikaa, Phó Giám đốc Quỹ Đổi mới Sáng tạo và Khởi nghiệp Phenikaa, Giám đốc truyền thông, Đầu tư và Phát triển kinh doanh mới, Tập đoàn Phenikaa.</p> <p>- 2015 - 2017: Giám đốc điều hành, CTCP Truyền thông Trạm Đọc .</p> <p>- 2015 - 2017: Đồng sáng lập và Giám đốc điều hành, Trung tâm Hợp tác Trí tuệ Việt Nam.</p> <p>- 2012 - 2014: Giám đốc Phát triển thị trường Quốc tế và Trợ lý TGD, CT TNHH IMC.</p> <p>- 2009 - 2011:</p>		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Giám đốc tư vấn đầu tư, Quỹ đầu tư Red River. - 2007 - 2009: Chuyên viên Đầu tư và Trợ lý Phó tổng Giám đốc, CTCP Đầu tư Nam Long.		
7	Trần Thị Lạc Thu	ThS, Việt Nam. 2017	Quản trị kinh doanh	- 01/2022 - nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân. - 7/2021 - 9/2022: Chuyên viên phân tích nghiệp vụ, MGI Solutions, Việt Nam. - 01/2020 - 2021: Chuyên viên phân tích nghiệp vụ, FPT Software, Việt Nam. - 01/2018 - 8/2019: Kế toán viên, Columbia Two, Inc, Mỹ. - 10/2017 - 01/2018: Kiểm toán viên, Sinambal & Reyes, Mỹ.		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				- 8/2017 - 01/2018: Kế toán viên, Welland Industries, Mỹ. - 02/2016 - 12/2016: Thực tập kế toán viên, Mattson Resources, Mỹ. - 4/2010 - 8/2014: Nhân viên phòng thanh toán thẻ, Ngân hàng HSBC, Việt Nam.		
8	Trần Thị Quỳnh Như, 1984	Thạc sĩ, Anh, 2014	Giáo dục	Từ 6/2020 - nay: Giảng viên, Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
9	Bùi Trọng Giang, 1976	Thạc sĩ, Úc	Quản trị kinh doanh	04/2020 đến nay: Giảng viên khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân	Đúng	
10	Trương Thị Giang Châu, 1992	Thạc sĩ, Mỹ, 2021	Ngôn ngữ Anh	2021 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường ĐH Phú Xuân	Ngành ngân	
11	Văn Thị Minh Hương, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học	- 7/2014 - 12/2014: Giáo viên Tiếng Anh ở Công ty		

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				TNHH Laguna (Việt Nam) - 12/2014 - 8/2020: Giám sát đào tạo kiêm giáo viên Tiếng Anh ở Công ty TNHH Laguna (Việt Nam) - 8/2020 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Xã hội nhân văn, Trường Đại học Phú Xuân, Huế		
12	Lê Minh Ngọc, 1974	Thạc sĩ, Mỹ	Giáo dục học	2021 - nay: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ và Du lịch Trường ĐH Phú Xuân	Đúng	
13	Trần Thị Thùy, 1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	- 8/2009 - 9/2013: Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Công nghiệp, Huế - 10/2013 - 01/2020: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ-Quản trị-Du lịch Trường Cao đẳng Công nghiệp, Huế - 02/2020 - nay:	Đúng	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Giảng viên Kinh tế - Dịch vụ, Trường Cao đẳng Công nghiệp, Huế - 4/2020 đến nay: Giảng viên Khoa Công nghệ và Kinh doanh Trường Đại học Phú Xuân.		

Đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện; trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Trường Đại học Phú Xuân có đội ngũ 13 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, trong đó:

- 05 tiến sĩ ngành phù hợp
- 08 thạc sĩ ngành phù hợp

Ngoài ra, Trường còn tập hợp được đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này cùng với nhà Trường tạo ra hệ sinh thái trong hệ thống đào tạo trong tất cả các ngành nói chung và ngành Truyền thông đa phương tiện nói riêng.

## 2.2. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

### 2.2.1. Giới thiệu chung

Trường có 03 cơ sở với tổng diện tích đất sử dụng: 31.475 m<sup>2</sup>, gồm: cơ sở 01 tại số 28 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Nhuận; cơ sở 02 tại số 176 Trần Phú, phường Phước Vĩnh; cơ sở 03 tại phường An Tây, thành phố Huế. Cả 03

cơ sở đều nằm ở khu vực trung tâm thành phố Huế với hệ thống học tập và tiện nghi hiện đại, phòng học được thiết kế khoa học, được trang bị các thiết bị dạy, học hiện đại như máy lạnh, máy chiếu, hệ thống mạng wireless, hệ thống âm thanh, ánh sáng phù hợp giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

Từ năm học 2018 - 2019, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình của Trường Đại học Phú Xuân được đầu tư toàn diện, phục vụ nhu cầu đào tạo và mục tiêu mới của nhà trường.

Cơ sở 01 bao gồm học đường hiện đại dành cho các dự án đào tạo chuyên biệt, kết nối thực tiễn nghề nghiệp, kết nối doanh nghiệp và thư viện mở. Cơ sở 02 bao gồm dãy phòng học lý thuyết và các phòng Learning office hiện đại, theo chuẩn quốc tế, mô hình thư viện kiểu mới - thư viện mở; sảnh sinh hoạt chung và khu Open office đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng từ năm học 2018 - 2019. Trường có khu ký túc xá với 110 chỗ cho sinh viên tại dãy nhà 5 tầng tại phường An Tây (cơ sở 03). Trang thiết bị kèm theo đủ để bảo đảm công tác giảng dạy, học tập trong năm học và những năm học tới.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị bao gồm:

**a) Các phòng học lý thuyết**

- Phòng học, giảng đường: có 65 phòng, diện tích 40m<sup>2</sup>/phòng.
- Phòng học đa phương tiện có 12 phòng, diện tích 56m<sup>2</sup>/phòng.
- Tất cả đều được trang bị theo tiêu chuẩn văn phòng: bàn ghế đạt chuẩn; hệ thống ánh sáng tiêu chuẩn; điều hòa nhiệt độ và hệ thống quạt gió; bảng kính cường lực, bút dạ viết trên kính; máy chiếu và màn chiếu cố định; mạng kết nối Internet không dây tiêu chuẩn văn phòng và nước uống.

**b) Khu văn phòng học tập (Learning offices)**

- Khu Learning office tiêu chuẩn có tổng diện tích 250 m<sup>2</sup>, gồm: 150 - 175 chỗ làm việc (đảm bảo đầy đủ điều kiện và trang thiết bị cho 150 sinh viên/buổi);

- Khu văn phòng học tập được thiết kế mô phỏng các văn phòng làm việc của các doanh nghiệp hiện đại, là nơi sinh viên thực hiện các bài thực hành và



các dự án sinh viên; có hệ thống ánh sáng theo chuẩn văn phòng; có hệ thống điều hòa và quạt thông gió; có khu vực trao đổi nhóm (Discussion space); có máy chiếu, màn chiếu di động; có nước uống, kệ sách, cây xanh và hệ thống điện tiêu chuẩn; hệ thống mạng kết nối Internet không dây tiêu chuẩn; hệ thống cửa dùng nhận dạng vân tay và thẻ từ.

**c) Hội trường, phòng họp nhỏ**

- Hội trường không gian mở, diện tích 300 m<sup>2</sup>.
- 02 Phòng họp nhỏ, diện tích 40 m<sup>2</sup>/phòng, có máy chiếu đa năng/ TV màn hình lớn.

**d) Phòng máy tính**

- Số lượng 03, diện tích 60 m<sup>2</sup>/phòng, 40 máy tính/phòng, dùng cho các học phần ứng dụng tin học.

**e) Phòng học ngoại ngữ**

- Sử dụng chung với các phòng máy tính; có thiết bị nghe nhìn hiện đại phục vụ cho học ngoại ngữ.

**f) Hệ thống công nghệ**

- Ngoài hệ thống mạng không dây được thiết kế đảm bảo cho hệ thống công nghệ dựa trên nền điện toán đám mây bao phủ tất cả các cơ sở đào tạo của trường, hạ tầng công nghệ còn bao gồm:

- Hệ thống E-mail tiêu chuẩn có khả năng cung cấp tài khoản e-mail cho tất cả các cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên của trường. Mỗi sinh viên đều có tài khoản E-mail riêng và đây là công cụ giao tiếp chính thức của mỗi sinh viên với Nhà trường.

- Hệ thống Workplace được sử dụng cho các trao đổi, chia sẻ thông tin, thông báo và phục vụ cho tất cả các hoạt động trong phạm vi trường, khoa, nhóm làm việc hay các dự án sinh viên.

- Hệ thống quản lý dự án đào tạo: Đây là công cụ đảm bảo sinh viên được làm quen với yêu cầu của môi trường là việc thực tế. Các hoạt động học và dạy tại PXU được khởi tạo như những Learning projects (Dự án học tập), ngoài các

kiến thức và kỹ năng chuyên môn, từ học kỳ đầu tiên sinh viên đã được làm quen và thực hành với các khái niệm như quản lý thời gian, chia nhỏ công việc (WBS - Work break - Down structure), kiểm soát tiến độ, báo cáo ngày, khai timesheet...

- Phần mềm thi online: Là công cụ đảm bảo cho việc đánh giá kiến thức của sinh viên qua mỗi môn học được toàn diện, đồng thời cũng để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong đánh giá kết quả học tập.

- Các phần mềm quản lý đào tạo, cung cấp thông tin về tiến trình và tiến độ học tập của mỗi sinh viên. Phần mềm quản lý riêng có của Trường không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, đáp ứng nhu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ, mà còn là môi trường giao tiếp thuận tiện, kể cả giữa nhà trường với phụ huynh, giữa phụ huynh với sinh viên thông qua việc theo dõi tiến độ và kết quả học tập trên Internet.

**2.2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành cho ngành Truyền thông đa phương tiện**

Nhà trường có 03 cơ sở: Cơ ở 01, 28 Nguyễn Tri Phương 28 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Nhuận; Cơ sở 2, 176 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, TP. Huế và cơ sở 3 tại Đường Đặng Huy Trứ nổi dài, phường An Tây, TP. Huế với phục vụ cho việc đào tạo đại học và các lớp đào tạo liên tục và đào tạo ngắn hạn.

Cơ sở vật chất tại hai cơ sở đủ điều kiện đảm bảo đào tạo cho 10.000 sinh viên với các giảng đường, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện....cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất của trường: 32.000 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 300 chỗ
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường

tính trên một sinh viên chính quy: 12,564 m<sup>2</sup>/sinh viên

**Bảng 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện**

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây
-----	------------	----------	-------------------

			dụng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	90	11.100
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	200
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	70	9.090
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	10	210
6	Số phòng học đa phương tiện	01	1.000
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	08	600
8	Thư viện, trung tâm học liệu	02	420
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	11	440
10	Phòng thực hành khách sạn	02	84
11	Xưởng thực hành ô tô	02	454
12	Cơ sở phục vụ giáo dục thể chất	05	10.298

B  
 3.  
 Tr  
 an  
 g  
 thi  
 ết  
 bị  
 ph  
 ục  
 vụ  
 đầ  
 o  
 tạo  
 ng  
 àn  
 h  
 Tr

**uyên thông đa phương tiện**

STT	Loại phòng (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính,...)	Số lượng	Diện tích m <sup>2</sup>	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học, giảng đường	80	9.300	Màn chiếu, máy chiếu, mic, loa, đèn, quạt, điều hòa...	Mỗi phòng 01 bộ (1 màn chiếu; 1 máy chiếu; loa, đèn, quạt, điều hòa... Số lượng phù hợp theo diện tích phòng)	Các học phần

STT	Loại phòng (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính,...)	Số lượng	Diện tích m <sup>2</sup>	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
2	Phòng máy tính	01	80	Màn chiếu, máy chiếu, mic, loa, đèn, quạt, điều hòa...	Mỗi phòng 01 bộ (1 màn chiếu; 1 máy chiếu; loa, đèn, quạt, điều hòa... Số lượng phù hợp theo diện tích phòng)	Các học phần: Công nghệ thông tin; phần chuyên ngành ứng dụng công nghệ thông tin;
				Máy tính	70 máy	Các học phần ngoại ngữ: Tiếng Anh, Hàn, Nhật, Trung. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành: truyền thông đa phương tiện
3	Phòng Hội thảo	03	300	Màn chiếu, máy chiếu, mic, loa, đèn, quạt, điều hòa...	Mỗi phòng 01 bộ (1 màn chiếu; 1 máy chiếu; loa, đèn, quạt, điều hòa... Số lượng phù hợp theo diện tích phòng)	Tổ chức Hội thảo, Hội nghị nghiên cứu khoa học
4	Phòng học kỹ năng	01	100	Màn	Mỗi phòng	Các học

STT	Loại phòng (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính,...)	Số lượng	Diện tích m <sup>2</sup>	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
	mềm			chiếu, máy chiếu, mic, loa, đèn, quạt, điều hòa...	01 bộ (1 màn chiếu; 1 máy chiếu; loa, đèn, quạt, điều hòa... Số lượng phù hợp theo diện tích phòng)	phần kỹ năng mềm
5	Mini Studio học & thực hành	01	45	Máy quay, Máy ảnh, Hệ thống chiếu sáng, Hệ thống thông nền	01 Máy quay; 01 Máy ảnh; 01 máy chiếu; 06 đèn chiếu treo trần, 02 đèn chiếu đứng, 01 bộ giá thông nền	Học và thực hành các học phần đa phương tiện
6	Phòng Multimedia Lab	01	45	Server RAM 16GB	02	Các học phần thuộc khối kiến thức ngành: truyền thông đa phương tiện
				Máy tính	30 máy	
				Tivi 55 inch	01	
				Switch Cisco SG95-16	02	
				Phần mềm dựng phim,	Mỗi máy tính 1 bộ	

STT	Loại phòng (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính,...)	Số lượng	Diện tích m <sup>2</sup>	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
				dụng âm thanh, phần mềm design...		

## 2.3. THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH

### 2.3.1. Thư viện

#### a) Thư viện truyền thống

Trường Đại học Phú Xuân có 02 phòng thư viện truyền thống được đặt tại khu vực tại cơ sở 28 Nguyễn Tri Phương và 176 Trần Phú.

- Mỗi thư viện có diện tích phòng đọc 120 m<sup>2</sup>, số chỗ ngồi: 40 chỗ/phòng;
- Phần mềm quản lý thư viện: thư viện số của Trung tâm học liệu Đại học Huế;
- Tổng số đầu sách, giáo trình: 4.095 đầu sách. Trong đó có sách 3.557 đầu sách chuyên ngành và 538 đầu sách tham khảo.
- Có hướng dẫn tra cứu thuận lợi nhằm phục vụ cho yêu cầu nâng cao chất lượng dạy, học và quản lý toàn diện.

#### b) Thư viện điện tử

Trường đang đẩy mạnh hướng phát triển thư viện điện tử, số đầu sách phong phú, liên thông với thư viện của nhiều trường đại học, các cơ sở dữ liệu lớn ở trong và ngoài nước. Thông qua internet, người sử dụng có thể truy cập tài liệu thư viện vào bất cứ lúc nào, từ bất cứ nơi đâu.

#### c) Thư viện mở

Đặt tại khu Learning Offices và các khu vực sử dụng chung.

### 2.3.2. Giáo trình

Danh mục giáo trình sử dụng trong đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được liệt kê trong bảng kèm theo.

**Bảng 4. Danh mục giáo trình và sách chuyên khảo của ngành đào tạo**

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019	1	Triết học Mác - Lênin
2	Bài giảng Triết học Mác - Lênin	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Trường Đại học Phú Xuân (Tài liệu lưu hành nội bộ)	2020	1	
3	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2007	1	
4	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2013	1	
5	C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập		Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995	1	
6	Hồ Chí Minh, Toàn tập		Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2022	1	
7	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1999	1	
8	V.I. Lênin, Toàn tập		Nxb Tiến bộ, Mátxcova	1978	1	
9	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2003	1	
10	Giáo trình Kinh tế chính	Bộ Giáo dục và	Nxb Chính trị	2019	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	trị Mác - Lênin	Đào tạo	quốc gia, Hà Nội			chính trị
11	Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Thị Quyên	Trường Đại học Phú Xuân (Tài liệu lưu hành nội bộ)	2020	1	Mác - Lênin
12	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII,	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016	7	
13	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Bộ môn Kinh tế Chính trị Mác- Lênin	Nxb Giáo dục	1999	1	
14	C.Mác - Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 20, tập 23, tập 25		Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1994	1	
15	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2004	1	
16	V.I.Lênin, Toàn tập, tập 27, 31		Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005	1	
17	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019	1	Chủ nghĩa



Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
18	Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nguyễn Thị Quyên	Trường Đại học Phú Xuân (Tài liệu lưu hành nội bộ)	2020	1	xã hội khoa học
19	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Giáo dục và Đào tạo	2006	1	
20	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009	1	
21	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII,	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016	7	
22	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Sự thật, Hà Nội	2011	1	
23	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002	1	
24	Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới	Phùng Hữu Phú; Lê Hữu Nghĩa; Vũ Văn Hiến; Nguyễn Việt Thông (đồng chủ biên)	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2016	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
25	Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV)	Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016	2016	1	
26	Luật Hôn nhân và Gia đình	Quốc hội số 52/2014/QH13	Ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014	2014	1	
27	Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030		Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 5 năm 2012	2014	1	
28	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019	1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
29	Bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Quyên	Trường Đại học Phú Xuân (Lưu hành nội bộ)	2020	1	
30	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006	1	
31	Chiến tranh Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học	Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2008	1	
32	Văn kiện Đảng, Toàn tập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995-2018	1	
33	Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới	Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chỉ đạo tổng kết	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2015	1	
34	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2004	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
		soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh				
35	Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1 đến tập 15		Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2011	1	
36	<a href="http://www.cpv.org.vn">www.cpv.org.vn</a>					
37	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019	1	
38	Bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Quyên	Trường Đại học Phú Xuân (Lưu hành nội bộ)	2020	1	
39	Giáo trình Tư tưởng HCM	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009	1	
40	Văn kiện Đảng, Toàn tập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005	1	
41	Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận thực tiễn qua 30 năm đổi mới	Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban chỉ đạo tổng kết	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2015	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh
42	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên)	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1997	1	
43	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2003	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
44	Hồ Chí Minh, Toàn tập,		Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2011	15	
45	Bài giảng “Tiếng Anh 1”	Nguyễn Thị Tâm	Khoa Ngoại ngữ và Du lịch, Trường Đại Học Phú Xuân		1	Tiếng Anh 1
46	Interchange 1, 4 <sup>th</sup> edition	Richard, Jack C.	Cambridge University Press	2005	1	
47	Face2Face, Elementary	Chris Redston	Cambridge University Press	2005	1	
48	Bài giảng “Tiếng Anh 2”	Văn Thị Minh Châu	Khoa Ngoại ngữ và Du lịch, Trường Đại Học Phú Xuân		1	Tiếng Anh 2
49	Interchange 1, 4 <sup>th</sup> edition. Cambridge University	Richard, Jack C.	Cambridge University	2005	1	
50	Face2Face, Elementary	Chris Redston	Cambridge University Press	2005	1	
51	Bài giảng “Tiếng Anh 3” Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Khoa Ngoại ngữ và Du lịch, Trường Đại Học Phú Xuân		1	Tiếng Anh 3
52	Interchange 2, 4 <sup>th</sup> edition	Richard, Jack C.	Cambridge University Press	2013	1	
53	Face2Face, Elementary	Chris Redston	Cambridge University Press	2005	1	
54	English Communication	Pooja Khanna	Vikas Publishing House PVT LTD	2016	1	Tiếng Anh 3

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
55	English File 3rd Edition, Pre- intermediate, Student's book and Work Book	Christina Latham-Koening, Clive Oxenden, Paul Seligson	Oxford University Press	2012	1	Tiếng Anh 3, 4
56	Cambridge Vocabulary for Pet	Sue Ireland, Joanna Kosta	Cambridge University Press	2012	1	Tiếng Anh 5
57	Creative English Communication	Krishnaswamy	Macmillan Publishers India	2009	1	Tiếng Anh 5
58	Grammar for Pet	Louise Hashemi, Barbara Thomas	Cambridge University Press	2013	1	Tiếng Anh 5
59	Giáo trình Kỹ năng mềm	Phạm Văn Minh	Trường Đại học Đại Nam	2020	1	Giáo dục nghề nghiệp
60	Giáo trình Kỹ năng mềm	Phạm Văn Minh	Trường Đại học Đại Nam	2020	1	
61	Luật Báo chí		Nxb Chính trị quốc gia	2016	1	
62	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Nxb Giáo dục	2017	1	
63	Văn hóa và con người, mấy suy nghĩ từ thực tiễn	GS.TS Đinh Xuân Dũng	Nxb Thông tin-Truyền thông, Hà Nội	2017	1	
64	100 bản quy tắc đạo đức nghề báo trên thế giới	Nguyễn Thị Trường Giang	Nxb Chính trị quốc gia	2014	1	
65	Ngôn ngữ báo chí	Vũ Quang Hào	Nxb Thông tấn	2012	1	
66	Các loại hình báo chí truyền thông	Dương Xuân Sơn	Nxb Thông tin và Truyền thông	2016	1	
67	Mỹ thuật đa phương tiện - nghề ngàn đô	Arena Multimedia				
68	Giáo trình tin học đại cương	Trần Đình Khang	Nxb Đại học Bách khoa Hà Nội	2013	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
69	Truyền thông Lý thuyết và kỹ năng cơ bản (tái bản)	Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng	Nxb Thông tin và Truyền thông	2018	1	
70	Marketing Principles	Phillip Kotler	Nxb Thành phố Hồ Chí Minh	2005	1	
71	Kỹ năng viết tin bài PR - Quảng cáo	Thiên Trần	Nxb Thông tin và Truyền thông	2018	1	
72	Quan hệ công chúng: Lý luận và thực tiễn	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2014	1	
73	Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả	Anne Gregory	Nxb Trẻ	2018	1	
74	Sáng tạo từ ý tưởng đến thành công	Jonah Lehrer	Nxb Lao Động	2015	1	
75	Vương quốc sáng tạo	Ed Catmull	Nxb Lao động	2016	1	
76	Văn hóa và con người, mấy suy nghĩ từ thực tiễn	GS.TS Đinh Xuân Dũng	Nxb Thông tin- Truyền thông, Hà Nội	2016	1	
77	Báo chí và Truyền thông Những thách thức và giải pháp trong xu thế phát triển hiện đại	ĐH Quốc gia TP.HCM	Nxb ĐH Quốc Gia TP.HCM	2019	1	
78	Báo chí và mạng xã hội	Đỗ Chí Nghĩa - Đinh Thị Thu Hằng	Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội	2014	1	
79	Báo chí và mạng xã hội	Đỗ Đình Tấn	Nxb Trẻ	2017	1	
80	Truyền thông xã hội	TS. Phạm Hải Chung và TS. Bùi Thu Hương (chủ biên)	Nxb Thế giới, Hà Nội	2016	1	
81	Social Media for	Megan Knight,	Nxb Publications,	2015	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Journalists: Principles and Practice (1st Edition)	Clare Cook	Washington DC.			
82	Hơn cả tin tức - Tương lai của báo chí	Mitchell Stephens	Nxb Trẻ	2015	1	
83	Truyền thông đa phương tiện	Lê Đắc Nhuận - Nguyễn Gia Như	Nxb Thông tin và Truyền thông	2016	1	
84	Brand Media Strategy: Integrated Communications Planning in the Digital Era. Second Edition	Young, A.	New York. NY: Palgrave Macmillan	2014	1	
85	Incidental News: How Young People Consume News on Social Media.	Boczkowski, Pablo, Eugenia Mitchelstein, and Mora Matassi	Proceedings of the 50th Hawaii International Conference on System Sciences	2017	1	
86	Mạng xã hội với sinh viên (Sách chuyên khảo)	Trần Hữu Luyến, Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái	Đại học Quốc gia Hà Nội	2015	1	
87	Social Media and Local Governments: Theory and Practice	Sobaci, Mehmet Zahid	Springer	2016	1	
88	News sources and follow-up communication: Facets of complementarity between sports journalism and social media.	Nölleke, Daniel, Christoph G. Grimmer, and Thomas Horky	Journalism Practice 11.4	2017	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
89	Các thể loại báo chí thông tấn	Đình Văn Hường	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	1	
90	Kỹ năng viết trong Quan hệ Công chúng	Nguyễn Diệu Linh	Nxb Dân Trí	2011	1	
91	Communication Theories: An infographics Development Project	Marabella	Nxb Amber	2014	1	
92	Giáo trình 3D Max 9.0	Nguyễn Duy Thanh	Nxb Giáo dục	2008	1	
93	Thiết kế đa phương tiện với Adobe Flash	Barbara M.Waxer	Nxb Bách khoa Hà Nội	2017	1	
94	Writing and Editing for Digital Media	Carroll, Brian	Routledge	2014	1	
95	Báo chí truyền thông hiện đại	Nguyễn Văn Dũng	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	1	
96	Cơ sở lý luận Báo chí Truyền thông	Dương Xuân Sơn, Đình Văn Hường, Trần Quang	Nxb ĐH Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh	2011	1	
97	Các loại hình Truyền thông	PGS.TS Dương Xuân Sơn	Nxb Thông tin và Truyền thông	2016	1	
98	Khám phá Đa phương tiện	Jenifer Coleman Dowling	Nxb Bách khoa Hà Nội	2018	1	
99	Create to Learn: Introduction to Digital Literacy	Hobbs, Renee	John Wiley & Sons	2017	1	
100	Investing in Online Video News: A cross-national analysis of news organizations'	Kalogeropoulos, Antonis and Rasmus Kleis Nielsen	Journalism Studies	2017	1	



Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	enterprising approach to digital media					
101	Mapping citizen journalism and the promise of digital inclusion: A perspective from the Global South	Prado, Paola	Global Media and Communication	2017	1	
102	Animation from pencil to pixel (Hoạt hình từ bút chì tới điện ảnh)	NSND Ngô Mạnh Lân	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	1	
103	Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại	Nguyễn Thành Lợi	Nxb Thông tin Truyền thông	2014	1	
104	Digital Storytelling: A Creator's Guide to Interactive Entertainment	Miller, Carolyn Handler	New York: Focal Press.	2014	1	
105	Multimedia Storytelling for Digital Communicators in a Multiplatform World	Gitner, Seth	New York: Routledge	2015	1	
106	The Principles of Multimedia Journalism: Packaging Digital News	Hernandez, J Rue	Routledge Taylor & Francis Group, 2015.	2015	1	
107	Xu hướng sản xuất gói tin tức đa phương tiện trên báo mạng điện tử	Ngô Bích Ngọc	Tạp Chí Lý luận Chính trị và Truyền thông số tháng 8/2014.	2014	1	
108	Multimedia: Making it work (Ninth Edition)	Tay Vaughan	Nxb MCGraw - Kill Education	2014	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
			PVT Limited			
109	Giáo trình 3D Max	Ngọc Anh Thư	Nxb Giáo dục	2000	1	
110	Quay phim điện ảnh và truyền hình	NSƯT Phạm Thanh Hà	Nxb Chính trị quốc gia	2015	1	
111	Graphic Design Basic	Ellen Lupon	Nxb Princeton Architectural Press	2011	1	
112	Lịch sử nhiếp ảnh báo chí Việt Nam	Phan Ái	Nxb Sân khấu	2020	1	
113	Báo Phát thanh - Lý thuyết và Kỹ năng cơ bản	TS. Đinh Thu Hằng	Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội	2013	1	
114	Các thể loại Báo phát thanh	TS. Đinh Thị Thu Hằng (chủ biên)	Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội	2016	1	
115	Phóng sự báo chí - lý thuyết, kỹ năng và kinh nghiệm	TS. Nguyễn Quang Hòa	Nxb Thông tin Truyền thông, Hà Nội	2015	1	
116	Sản xuất chương trình truyền hình	TS. Trần Bảo Khánh	Nxb Văn hóa Thông tin	2003	1	
117	Quay phim điện ảnh và Truyền hình	NSƯT Phạm Thanh Hà	Nxb Chính trị quốc gia	2015	1	
118	Tổ chức và công nghệ sản xuất phim	Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Hạnh Lê	Nxb Chính trị quốc gia	2015	1	
119	Chính luận truyền hình	Nguyễn Ngọc Oanh	Nxb Thông tấn, Hà Nội	2016	1	
120	Giáo trình Phóng sự truyền hình	Nguyễn Ngọc Oanh (Chủ biên), Lê Thị Kim Thanh	Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2014	1	

Stt	Tên giáo trình, tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
121	Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam		Nxb Thông tin và Truyền thông	2014	1	
122	Tổ chức và công nghệ sản xuất phim	Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Hạnh Lê	Nxb Chính trị quốc gia	2015	1	
123	Phỏng vấn trong chính luận truyền hình	Trần Bảo Khánh	Nxb Thông tin Truyền thông	2010	1	
124	Nhà quay phim không gian - khuôn hình	X.E.Mêđunxki	Nxb SKĐA	2005	1	
125	Báo chí dành cho các đối tượng chuyên biệt	Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên)	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2015	1	
126	Convergence journalism, writing and reporting across the new media	Peter Lang	Nxb Newyork	2005	1	
127	Báo chí và truyền thông đa phương tiện	Nguyễn Thị Trường Giang	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2017	1	

## 2.4. DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC TẬP, THỰC HÀNH NGOÀI CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Số tt	Tên cơ sở	Địa chỉ	Người đại diện
1	Đài Phát thanh - Truyền hình Thừa Thiên Huế	Số 58 Hùng Vương, thành phố Huế	Nguyễn Văn Du
2	Báo Thừa Thiên Huế	61 Trần Thúc Nhẫn, Thành phố Huế	Nguyễn Thị Hồng Hạnh
3	Kênh Truyền hình Quốc hội Việt Nam tại Huế	18/336 Phan Chu Trinh, thành phố Huế	Nguyễn Thành Nam
4	Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Huế	2 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế	Nguyễn Lâm Thanh
5	Văn phòng Báo Tuổi Trẻ tại Huế	35 Nguyễn Huệ, thành phố Huế	Lê Văn Minh Tự
6	Văn phòng báo Pháp luật Việt Nam tại Huế	22 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Huế	Nguyễn Văn Tám
7	Thông tấn xã Việt Nam, Phân xã Thừa Thiên Huế	18 Hà Nội, Thành phố Huế	Đỗ Văn Trường

## 2.5. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

### 2.5.1. Hoạt động Nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được Nhà trường coi là khâu đột phá, là nền tảng cơ bản để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, là cơ sở thúc đẩy việc tăng nhanh tiến độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, chuẩn hóa các chức danh cán bộ, giảng viên theo chuẩn của một trường đại học.

Hàng năm, Trường lập kế hoạch, định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học cho các đơn vị trực thuộc trường; cuối mỗi năm học sẽ báo cáo tổng kết nhiệm vụ và đề ra phương hướng hoạt động năm tới. Dự toán chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học tăng dần theo các năm từ năm 2007 đến nay.

Việc có định hướng và nguồn cấp kinh phí đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giáo viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm với nhiều đề tài.

Đến nay, Trường đã tổ chức các hội đồng nghiệm thu 116 đề tài NCKH của CBGV; tổ chức 05 hội nghị cấp trường, ra kỷ yếu với 127 bài báo cáo khoa học; 07 hội nghị cấp khoa, 10 hội khoa học của sinh viên; xuất bản 02 tập san khoa học và giáo dục. Riêng các ngành Xã hội nhân văn đã tổ chức thành công 03 hội thảo cấp khoa (35 báo cáo đăng trong kỷ yếu), 3 hội thảo sinh viên (137 báo cáo đăng trong kỷ yếu), 48 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu, 71 bài báo khoa học đăng trong hội nghị cấp trường, nhiều báo cáo khoa học đăng trong hội nghị các trường đại học trong nước, cấp quốc gia và quốc tế, các tạp chí chuyên ngành, sách chuyên khảo...

#### **2.5.2. Hợp tác quốc tế**

Trường có các chương trình liên kết hợp tác quốc tế sau:

- Chương trình Fulbright: Liên kết nhận hỗ trợ Giảng viên dạy tiếng Anh, tổ chức các hội thảo xây dựng chương trình đào tạo, hội thảo Giới thiệu các cơ hội trao đổi giáo dục và hỗ trợ học bổng sinh viên...;

- Hợp tác với Học viện Sư phạm Quảng Tây - Trung Quốc đưa sinh viên sang học chuyên tiếp tại đây;

- Ký kết hợp tác đào tạo Đại học Charles de Gaulle, Lille 3 (Pháp);

- Tổ chức tọa đàm giao lưu với North Bangkok University (Thái Lan), cử cán bộ giảng viên viết bài và dự hội thảo quốc tế tại Sakon Nakhon Rajabhat University;

- Tham dự hội thảo tại Rattana Business Administration College (Laos), nhằm đẩy mạnh cơ hội hợp tác đào tạo;

- Liên kết với các đại học, tổ chức quốc tế khác (trường ĐH Northwest School Seattle (Mỹ); trường đại học Broward, Florida (Mỹ) và Đại học Broward Vietnam).

Trong thời gian tới, Trường Đại học Phú Xuân khẳng định sẽ có nhiều

hoạt động tích cực hơn nữa trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, để học tập kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo nhân lực, trao đổi chương trình đào tạo, giáo trình, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học... trong đó có kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh có yếu tố nước ngoài

### **Phần 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình:	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Truyền thông đa phương tiện
Tên ngành bằng tiếng Anh:	Multimedia
Mã số:	7320104
Loại hình đào tạo:	Chính quy

#### **3.1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật GDĐH, số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;
- Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 ngày 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu và yêu cầu của thị trường lao động;
- Dựa trên cơ sở năng lực thực tế của nhà trường;

Trên cơ sở tham khảo khung Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện của: Học viện Báo Chí và Tuyên truyền; Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông; Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng; ... Trường Đại học Tomas Bata University; Trường Đại học Lenoir - Rhyne University; Trường Đại học Taylors University; Trường Đại học Yukon University; Trường Đại học The University of Sydney...

## **3.2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **3.2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược và triết lý giáo dục của trường Đại học Phú Xuân.

Chương trình cử nhân ngành Truyền thông Đa phương tiện theo định hướng phát triển ứng dụng đồ họa tương tác và thiết kế sản phẩm đồ họa quảng cáo truyền thông, đặt mục tiêu đào tạo ra những nhà chuyên môn có năng lực tốt, khả năng thích ứng cao, thành thạo về Truyền thông Đa phương tiện; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản.

### **3.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

#### *a) Kiến thức*

Chương trình đào tạo thực hiện các mục tiêu về kiến thức (MTKT) như sau:

- MTKT1: Minh họa được kiến thức về hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. (3)

- MTKT2: Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong các hoạt động thực tiễn nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học về Truyền thông đa phương tiện. (3)



- MTKT3: Vận dụng các kiến thức nền tảng về các loại hình báo chí truyền thông, quảng cáo, marketing, truyền thông đa phương tiện để làm cơ sở tiếp thu kiến thức ngành và chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện. (3) (Bảng 3.1)

- MTKT4: Đưa vào thực tế các kiến thức, kỹ năng từ lý luận đến thực tiễn chuyên sâu của ngành Truyền thông đa phương tiện để tự tin tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. (3)

*b) Kỹ năng:*

Chương trình đào tạo thực hiện các mục tiêu về kỹ năng (MTKN) như sau:

- MTKN1: Kết hợp các kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng phân biệt, phê phán và tư duy sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp trong truyền đạt vấn đề và giải pháp tới mọi người trong hoạt động nghề nghiệp. (5) (Bảng 3.1)

- MTKN2. Phát triển kỹ năng về công nghệ, xử lý số liệu để đáp ứng yêu cầu thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm của ngành Truyền thông và Truyền thông Đa phương tiện. (4)

- MTKN3: Quản lý kỹ năng tác nghiệp, ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo, dự án truyền thông đa phương tiện (5)

*c) Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm*

Chương trình đào tạo thực hiện các mục tiêu về năng lực (MTNL) tự chủ và trách nhiệm như sau:

- MTNL1. Sẵn sàng làm việc trong mọi môi trường nghề nghiệp (5)

- MTNL2. Chia sẻ khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc với đồng nghiệp. (5)

- MTNL3: Sẵn sàng chịu trách nhiệm trước tổ chức, xã hội. (5)

### **3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Truyền thông đa phương tiện của Đại học Phú Xuân có khả năng tham gia nhiều vị trí công tác trong các cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước hoạt động liên quan đến lĩnh vực truyền thông đa phương tiện như: đài truyền hình, hãng sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim hoạt hình... cơ quan báo

chí, nhà xuất bản; công ty phần mềm, thiết kế đồ họa, phát triển game, công nghệ mô phỏng, website; công ty giải trí, quảng cáo, tổ chức sự kiện và quan hệ công chúng; làm việc tại bộ phận truyền thông của các cơ quan, tổ chức xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, làm trợ giảng trong các trường đại học, khởi nghiệp về truyền thông đa phương tiện... cụ thể như sau:

a) Cán bộ quản lý (Lãnh đạo, Giám đốc, Trưởng các phòng ban, bộ phận: Marketing, Kinh doanh, Truyền thông, Quan hệ công chúng, Phóng viên, Biên tập viên, chương trình Truyền hình, chương trình Phát thanh...)

b) Cán bộ, nhân viên (Quản lý nội dung, Biên tập nội dung, Sáng tạo nội dung, nhân viên thiết kế đồ họa, sản xuất chương trình truyền hình...)

c) Giảng viên, cán bộ nghiên cứu (Trường Đại học, Cao đẳng, các viện nghiên cứu...).

### 3.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo sau đại học Thạc sĩ ở Việt Nam, hoặc các nước khác với các học bổng rất đa dạng và phong phú về chuyên môn, các lĩnh vực khoa học khác như Quản trị truyền thông, Quản trị kinh doanh, Truyền thông Marketing, Quan hệ công chúng, Truyền thông đa phương tiện...

### 3.3. CHUẨN ĐẦU RA (CĐR)

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra
PLO 01	Hiểu và vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống; hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
PLO 02	Hiểu tầm quan trọng của Giáo dục quốc phòng - an ninh, nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. để cùng xã hội, cộng đồng bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
POL 03	Hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ

	năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.
PLO 04	Nắm vững và áp dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, tin học văn phòng vào trong công việc để tăng hiệu quả công việc đồng thời sử dụng thành thạo vào môi trường học tập tại Phú Xuân. Đạt được chứng chỉ Công nghệ thông tin cơ bản.
PLO 05	Có khả năng giao tiếp, đọc và viết ở mức độ trung cấp theo chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v; đạt năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO 06	Hiểu các phương pháp nghiên cứu khoa học và vận dụng một trong các phương pháp nghiên cứu đó để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học nhỏ.
PLO 07	Biết lắng nghe và trả lời thành thạo các câu hỏi trong phỏng vấn, biết thể hiện điểm mạnh của bản thân. Kỹ năng thuyết trình, thuyết phục được nhà tuyển dụng trong phỏng vấn. Kỹ năng tư duy, làm việc độc lập; có kỹ năng đặt lại câu hỏi cho nhà tuyển dụng. Kỹ năng làm việc theo nhóm: Biết liên lạc với nhà tuyển dụng trước khi tham gia phỏng vấn. Tinh thần làm việc độc lập, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc chuyên môn khi được tuyển dụng.
PLO 08	Pháp luật đại cương cung cấp cho người học kiến thức chung về nhà nước và pháp luật cũng như kiến thức tổng quan một số ngành luật; giúp người học có khả năng tìm kiếm, đọc và phân tích quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống thực tiễn; hình thành và rèn luyện ở người học ý thức tự giác, chủ động trong học tập, thân thiện và trách nhiệm trong làm việc nhóm, gương mẫu trong thực hiện pháp luật.
PLO 09	Hiểu rõ và nắm được các kiến thức cơ bản về truyền thông, nhân sự, truyền thông đa phương tiện, văn hoá truyền thông, truyền thông-marketing cũng như nắm bắt được hành vi, tâm lý của người tiêu dùng trên thị trường.
PLO 10	Có kỹ năng sáng tạo nội dung cho truyền thông/marketing, quản trị và phát triển thương hiệu, sáng tạo thông điệp truyền thông, cách làm truyền thông trên báo chí.
PLO 11	Có thể tổ chức các sự kiện truyền thông, làm marketing-truyền thông trên mạng xã hội, ứng dụng kiến thức đã học để làm quảng cáo trong nước và

	quốc tế, PR hay truyền thông trên website.
PLO 12	Biết cách xây dựng một kế hoạch truyền thông, xử lý rủi ro trong khủng hoảng truyền thông, sử dụng truyền thông trong kinh doanh, dự án, đối ngoại, quảng cáo quốc tế.
PLO 13	Biết cách chụp ảnh, xử lý video, tạo hình bố cục, xử lý đồ họa cho các sản phẩm truyền thông.
PLO 14	Ứng dụng được công nghệ thông tin trong truyền thông đa phương tiện như trên website, google.
PLO 15	Có kiến thức thực tế về truyền thông đa phương tiện, biết ứng dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế tại doanh nghiệp và viết được khoá luận tốt nghiệp.

### 3.4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Khối lượng kiến thức toàn khóa bao gồm **126 tín** (chưa bao gồm hai học phần: Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Sinh viên chọn 6 tín chỉ trong tổng số 12 tín chỉ của các học phần tương ứng. Cụ thể:

Khối kiến thức	Số tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	35 tín chỉ
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	69 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành	21 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành	48 tín chỉ
Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	22 tín chỉ

### 3.5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

#### 3.5.1. Đối tượng tuyển sinh

- Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;
- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước;
- Phương thức và điều kiện tuyển sinh: Theo phương án và điều kiện tuyển sinh theo của Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

#### 3.5.2. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 05 năm đầu (của ngành đăng ký đào tạo):

Năm	2023	2024	2025	2026	2027
Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh	100	120	130	150	200

### 3.6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học:

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo đang theo học và thỏa mãn các yêu cầu (nếu có) về kết quả học tập đối với một số tín chỉ/nhóm học phần thuộc ngành đào tạo theo quy định của Trường;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Truyền thông đa phương tiện

- Xếp loại (hạng) tốt nghiệp: tính theo điểm trung bình chung tích lũy, theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

### 3.7. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Theo thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4

Số TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 9,5 đến 10	A+	4,0	GIỎI
2	Từ 8,5 đến 9,4	A	3,8	
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5	KHÁ
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0	
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5	TRUNG BÌNH
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0	
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5	TRUNG BÌNH

8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0	YẾU
---	----------------	---	-----	-----

### 3.8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 3.8.1. Cấu trúc chương trình

	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết			Môn học trước	HK dự kiến	Hình thức thi
				Bắt buộc	Tự chọn	LT	TH	Tự học			
<b>A</b>	<b>Khôi kiến thức chung: 32 TC</b>		32								
1	MUL1101	Nhập môn truyền thông	3	x		45	0	105		1	Bài tập lớn
2	ORT1031	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	x		30	30	90		1	Trắc nghiệm + Thực hành
3	POL2031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x		30	0	70	Triết học Mác - Lênin	5	Trắc nghiệm + Tự luận
4	POL1011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		30	0	70		4	Trắc nghiệm
5	POL2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		30	0	70		3	Trắc nghiệm
6	POL2041	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	x		30	0	70		6	Trắc nghiệm
7	PHI1011	Triết học Mác-Lênin	3	x		45	0	105		2	Trắc nghiệm + Tự luận
8	ORT2012	Phòng vấn, tìm việc và làm việc	2	x		15	30	55		8	Vấn đáp
9	ORT1041	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x		30	0	70		4	Đồ án
10	ENG1011	Tiếng Anh 1	3	x		30	30	90		2	Trắc nghiệm + Tự luận
11	ENG1021	Tiếng Anh 2	3	x		30	30	90	TA1	3	TN + TL + VD
12	ENG1031	Tiếng Anh 3	3	x		30	30	90	TA2	4	TN + TL + VD
13	LAW1021	Pháp luật đại cương	2	x		30	0	70		7	Trắc nghiệm

<b>B</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành: 23 TC</b>		23								
1	COM1101	Lý thuyết truyền thông	2	x	45	0	105		2	Trắc nghiệm + Tự luận	
2	MUL1011	Truyền thông và tiếp thị số	3	x	30	30	90		3	Đồ án	
3	MAN2011	Quản trị nguồn nhân lực	3	x	45	0	105		5	Trắc nghiệm + Tự luận	
4	MUL2021	Truyền thông đa phương tiện	3	x	30	30	90		4	Đồ án	
5	MAR1021	Content marketing	3	x	45	0	105		3	Đồ án	
6	BIZ1021	Hành vi người tiêu dùng	3	x	45	0	105		3	Trắc nghiệm + Tự luận	
7	MAR1011	Marketing căn bản	3	x	45	0	105		2	Đồ án	
8	MAR1071	Truyền thông marketing tích hợp	3	x	30	30	90		5	Đồ án	
<b>C</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành 53 TC (trong đó Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>										
	<b>Kiến thức chuyên ngành (38 TC)</b>		38								
1	MUL1031	Sáng tạo thông điệp truyền thông	3	x	30	30	90		4	Đồ án	
2	MUL1041	Truyền thông đối ngoại	3	x	45	0	105		5	Đồ án	
3	PUB2012	Tổ chức sự kiện	2	x	15	30	55		7	Đồ án	
4	MAR1031	Mạng xã hội, Viral marketing và facebook marketing	3	x	30	0	70		7	Đồ án	
5	PUR2021	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3	x	30	30	90		6	Đồ án	
6	BIZ2051	Xây dựng kế hoạch truyền thông marketing	3	x	30	30	90			Đồ án	
7	MUL1051	Quảng cáo	3	x	45	0	105		6	Đồ án	
8	MAN2021	Quản trị thương hiệu	3	x	45	0	105		7	Đồ án	
9	MAR2071	Quản trị Web	3	x	45	0	105			Đồ án	
10	MUL1061	Xử lý phim	3	x	30	30	90		6	Đồ án	

11	ART2011	Đồ họa ảnh	3	x		15	60	75		6	Đồ án
12	PUR2011	Quan hệ công chúng	3	x		45	0	105		5	Đồ án
13	MUL1081	Thực tế ngành	3	x		0	90	60		6	Bài tập lớn
	Tự chọn (15 TC)		15								
1	MUL1091	Truyền thông trong kinh doanh	3		x	45	0	105		8	Đồ án
2	MAR1041	Website và công cụ tìm kiếm	3		x	45	0	105		8	Đồ án
3	BIZ1031	Nguyên lý bố cục tạo hình	3		x	45	0	105		7	Đồ án
4	MUL1100	Quảng cáo thương mại và xúc tiến quốc tế	3		x	45	0	105		7	Đồ án
5	MUL1101	Quản trị dự án	3		x	45	0	105			Đồ án
6		Văn hoá truyền thông	3		x	45	0	105			Đồ án
7	MUL1102	Ngôn ngữ Báo chí	3		x	45	0	105		8	Đồ án
8	MUL1103	Báo chí truyền thông hiện đại	3		x	45	0	105			Đồ án
9	MAR2021	Google Ads và Google Analytics	3		x	45	0	105			Đồ án
10	GRA1011	Phần mềm đồ họa 1	3		x	30	30	90		8	Thực hành
D	Thực tập doanh nghiệp OJT và khóa luận tốt nghiệp (18 TC)		18								
1	OJT3031	Thực tập doanh nghiệp	9	x		450				9	Báo cáo thực tập
2	PRJ3041	Khóa luận tốt nghiệp	9	x		450				9	Khóa luận tốt nghiệp
E	Khối kiến thức không tích lũy										
1	MIL1011	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	x							
2	GDTC101 1	Giáo dục thể chất 1	1	x							
3	GDTC101 2	Giáo dục thể chất 2	1	x							
4	GDTC101 3	Giáo dục thể chất 3	1	x							
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>126</b>								

### 3.8.2. Kế hoạch giảng dạy

Dự kiến kế hoạch đào tạo:



STT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC
	<b>Học kỳ 1</b>		<b>6</b>
1	MUL1101	Nhập môn truyền thông	3
2	ORT1031	Ứng dụng công nghệ TT cơ bản	3
	<b>Học kỳ 2</b>		<b>11</b>
1	ENG1011	Tiếng Anh 1	3
2	MAR1011	Marketing căn bản	3
3	COM1101	Lý thuyết truyền thông	2
4	PHI1011	Triết học Mác-Lê nin	3
	<b>Học kỳ 3</b>		<b>14</b>
1	POL2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	ENG1021	Tiếng Anh 2	3
3	MAR1021	Content marketing	3
4	MUL1011	Truyền thông và tiếp thị số	3
5	BIZ1021	Hành vi người tiêu dùng	3
	<b>Học kỳ 4</b>		<b>13</b>
1	POL1011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
2	MUL1031	Sáng tạo thông điệp truyền thông	3
3	ORT1041	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
4	ENG1031	Tiếng Anh 3	3
5	MUL2021	Truyền thông đa phương tiện	3
	<b>Học kỳ 5</b>		<b>17</b>
1	POL2031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
2	PUR2011	Quan hệ công chúng	3

3	MAN2011	Quản trị nguồn nhân lực	3
4	MUL1041	Truyền thông đối ngoại	3
5	MAR1071	Truyền thông marketing tích hợp	3
6	BIZ2051	Xây dựng kế hoạch truyền thông marketing	3
<b>Học kỳ 6</b>			<b>17</b>
1	POL2041	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2
2	ART2011	Đồ họa ảnh	3
3	MUL2011	Xử lý phim	3
4	PUR2021	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3
5	MUL1051	Quảng cáo	3
6	MUL1081	Thực tế ngành	3
<b>Học kỳ 7</b>			<b>16</b>
1	PUB2012	Tổ chức sự kiện	2
2	MUL1100	Quảng cáo thương mại và xúc tiến quốc tế	3
3	MAN2021	Quản trị thương hiệu	3
4	MAR1031	Mạng xã hội, Viral marketing và facebook marketing	3
5	BIZ1031	Nguyên lý bố cục tạo hình	3
6	LAW1021	Pháp luật đại cương	2
<b>Học kỳ 8</b>			<b>14</b>
1	MUL1091	Truyền thông trong kinh doanh	3
2	ORT2012	Phỏng vấn, tìm việc và làm việc	2
4	GRA1011	Phần mềm đồ họa 1	3
5	MAR1041	Website và công cụ tìm kiếm	3
6	MUL1102	Ngôn ngữ báo chí	3

<b>Học kỳ 9</b>			<b>18</b>
1	OJT3031	Thực tập Doanh nghiệp - OJT	9
2	PRJ3041	Khóa luận tốt nghiệp	9
<b>Tổng cộng</b>			<b>126</b>

### 3.8.3. Ma trận chuẩn đầu ra học phần

Mã HP	Tên học phần	PL01	LP02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015
MUL1101	Nhập môn truyền thông									x						
ORT1031	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				x											
POL2031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x														
POL1011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x														
POL2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														
POL2041	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x														
PHI1011	Triết học Mác-Lê nin	x														
ORT2012	Phỏng vấn, tìm việc và làm việc							x								
ORT1041	Phương pháp nghiên cứu khoa học						x									
ENG1011	Tiếng Anh 1					x										
ENG1021	Tiếng Anh 2					x										
ENG1031	Tiếng Anh 3					x										
LAW1021	Pháp luật đại cương								x							
COM1101	Lý thuyết truyền thông									x						
MUL1011	Truyền thông và tiếp thị số									x						





### **3.9.2. Giáo trình và bài giảng**

- Các học phần đã có giáo trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Khoa/ Bộ môn triển khai thực hiện và quản lý việc thực hiện theo đúng quy định;

- Các học phần chưa có giáo trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Khoa/ Bộ môn nghiên cứu, tham khảo để biên soạn hoặc chọn 01 giáo trình/ tài liệu sẵn có phù hợp với nội dung và trình độ đào tạo, lập danh mục trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

### **3.9.3. Tài liệu tham khảo**

Ngoài các giáo trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, Khoa/ Ngành tổ chức việc chọn các tài liệu tham khảo cho các học phần để triển khai thực hiện.

### **3.9.4. Về phương pháp giảng dạy**

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng áp dụng phương pháp giảng dạy mới, tích cực hóa người học, lấy người học làm trung tâm; hướng dẫn cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn:

- Sử dụng các hình thức thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh thực tế, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm...

- Các học phần phải có sự lồng ghép ít nhất 1 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế về một vấn đề thuộc học phần giữa doanh nhân và sinh viên.

Trong quá trình thực hiện, Khoa/ Bộ môn nghiên cứu và có đề xuất cụ thể để trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định điều chỉnh (nếu cần).

### **3.9.5. Đánh giá kết quả học tập**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định cụ thể của Trường Đại học Phú Xuân.

## **4. BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH**

Khung chương trình Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Phú Xuân				Học viện công nghệ bưu chính viễn thông ( <a href="https://daotao.ptit.edu.vn/nganhhoc/7320104">https://daotao.ptit.edu.vn/nganhhoc/7320104</a> )	Trường Đại học Văn Hiến ( <a href="https://vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/qltd/CTDT/CTDT_TruyenThongDaPhuongTien%202021.pdf">https://vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/qltd/CTDT/CTDT_TruyenThongDaPhuongTien%202021.pdf</a> )	% Tương ứng
STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số TC			
<b>A Khối kiến thức chung: 32 TC (Bắt buộc: 32TC, Tự chọn: 0 TC)</b>						
1	ORT1121	Nhập môn truyền thông	3	Nhập môn truyền thông		90%
2	ORT1031	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	Tin học cơ sở 1		70%
3	POL2031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	100%
4	POL1011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học	100%
5	POL2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	100%
6	POL2041	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	100%
7	PHI1011	Triết học Mác-Lênin	3	Triết học Mác-Lênin	Triết học Mác-Lênin	100%
8	ORT2012	Phòng vấn, tìm việc và làm việc	2	Phòng vấn: Lý thuyết và thực hành		70%
9	ORT1041	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Phương pháp luận NCKH		80%
10	ENG1011	Tiếng Anh 1	3	Tiếng Anh Course 1	Tiếng Anh giao tiếp 1	70%
11	ENG1021	Tiếng Anh 2	3	Tiếng Anh Course 2	Tiếng Anh giao tiếp 2	70%
12	ENG1031	Tiếng Anh 3	3	Tiếng Anh Course 3		70%
13	LAW1021	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương	100%
<b>B Khối kiến thức cơ sở ngành: 24 TC</b>						
1	COM1101	Lý thuyết truyền thông	3	Lý thuyết truyền thông		80%
2	MUL1101	Truyền thông và tiếp thị số	3		Truyền thông số	80%
3	MAN2011	Quản trị nguồn nhân lực	3			
4	MUL2021	Truyền thông đa phương tiện	3		Nhập môn truyền thông đa phương tiện	70%
5	MAR1021	Content marketing	3	Kịch bản đa phương tiện		60%
6	BIZ1021	Hành vi người tiêu dùng	3			
7	MAR1011	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	Marketing căn bản	100%
8	MAR1071	Truyền thông	3			

		marketing tích hợp				
<b>C</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 53 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>					
<b>Kiến thức chuyên ngành chung: 38 TC</b>						
1	MUL1031	Sáng tạo thông điệp truyền thông	3			
2	MUL1041	Truyền thông đối ngoại	3			
3	PUB2012	Tổ chức sự kiện	2			
4	MAR1031	Mạng xã hội, Viral marketing và facebook marketing	3		Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	60%
5	PUR2021	Quản trị khủng hoảng truyền thông	2	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông		80%
6	BIZ2051	Xây dựng kế hoạch truyền thông marketing	3			
7	MUL1051	Quảng cáo	2	Nhập môn quảng cáo	Quảng cáo	80%
8	MAN2021	Quản trị thương hiệu	3			
9	MAR2071	Quản trị Web	3	Ứng dụng thiết kế web	Thiết kế web	80%
10	MUL2011	Xử lý phim	3	Quay phim	Kỹ thuật dựng phim	60%
11	ART2011	Đồ họa ảnh	3	Kỹ thuật nhiếp ảnh	Kỹ thuật nhiếp ảnh	80%
12	PUR2011	Quan hệ công chúng	3	Nhập môn PR		70%
13	MUL1081	Thực tế ngành	3			
<b>Các môn tự chọn: 15 TC</b>						
1	MUL1091	Truyền thông trong kinh doanh	3			
2	MAR1041	Website và công cụ tìm kiếm	3			
3	BIZ1031	Nguyên lý bố cục tạo hình	3			
4	MUL1100	Quảng cáo thương mại và xúc tiến quốc tế	3			
5	MUL1101	Quản trị dự án	3	Quản lý dự án truyền thông	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	70%
6	MUL1104	Văn hoá truyền thông	3			
7	MUL1102	Ngôn ngữ Báo chí	3	Báo chí dữ liệu		50%
8	MUL1103	Báo chí truyền thông hiện đại	2	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông		70%
9	MAR2021	Google Ads và Google Analytics	3			
10	GRA1011	Phần mềm đồ họa 1	3	Thiết kế đồ họa cơ bản	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	70%
<b>D</b>	<b>Thực tập doanh nghiệp OJT và khóa luận tốt nghiệp: 18 TC</b>					
1	OJT3031	Thực tập doanh	9	Thực tập và tốt	Thực tập tốt nghiệp	90%



		nghiệp		nghiệp		
2	PRJ3041	Khóa luận tốt nghiệp	9		Đồ án tốt nghiệp	100%

## 5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Phú Xuân áp dụng mô hình ASK (Attitude (thái độ) – Skills (Kỹ năng) – Knowledge (kiến thức)) trong đào tạo sinh viên với mục tiêu học để có nghề nghiệp, học để có việc làm, học để có khả năng tự học. Nhà trường xác định rõ việc trang bị đầy đủ ba yếu tố chính thái độ, kỹ năng và kiến thức là hành trang để sinh viên lập nghiệp, và tiếp tục phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0. Trong đó, việc xây dựng một thái độ tích cực chuyên nghiệp, hình thành các kỹ năng quan trọng cũng như khả năng học tập suốt đời được nhấn mạnh, tiếp đến kiến thức là phần không thể thiếu để sinh viên Trường Đại học Phú Xuân khẳng định mình trong chuyên môn nghề nghiệp.

Để thực hiện mục tiêu đó, Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy và học tập:

### Lấy người học làm trung tâm

Việc dạy học ở Nhà trường lấy sinh viên làm trung tâm, nhấn mạnh đến sự tự giác và tự chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mỗi cá nhân. Giảng viên (người đứng lớp dạy lý thuyết, người hướng dẫn dạy thực hành, người rà soát giải đáp những thắc mắc...) là những người hướng dẫn nhằm truyền đạt lại kiến thức, kinh nghiệm và giải đáp thắc mắc cho thế hệ sau giúp sinh viên định hướng nhanh hơn, đi nhanh hơn trong ngành nghề.

Giảng viên giảng dạy không chỉ là các thầy cô cơ hữu của trường mà còn kết hợp với các chuyên gia đến từ doanh nghiệp, những người am hiểu chuyên ngành từ trải nghiệm thực tế tạo sự kết nối chặt chẽ giữa Nhà trường và doanh nghiệp, giúp sinh viên tiếp cận sớm với các tổ chức tuyển dụng, tạo cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp.

### Tái cấu trúc nội dung giảng dạy

Phần lớn các học phần trong chương trình giảng dạy có 3 tín chỉ. Các học phần được tổ chức dạy học lý thuyết kết hợp thực hành theo phương pháp học qua dự án (Project Based Learning - PBL) với mô hình “Learning office”, học như đi làm. Ngoài giờ học lý thuyết sinh viên được trải nghiệm môi trường văn phòng làm việc chuyên nghiệp. Ở đây, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn

đề thực tế thông qua những bài thực hành và dự án được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo “học để có nghề nghiệp, học để có việc làm, học để có khả năng tự học”.

Thái độ và kỹ năng của sinh viên được tôi luyện ở các giờ học trải nghiệm theo mô hình “Learning Office” có tính chuyên nghiệp như sẽ phải tuân thủ chặt chẽ nội quy, tác phong của một người đi làm, học hỏi, trao đổi và tôn trọng lẫn nhau trong một không gian mở, tự tìm kiếm thông tin, tự rèn luyện phát triển mình để giải quyết hết những vấn đề gặp phải. Tất cả những yếu tố này sẽ tôi luyện sinh viên ngày một trưởng thành, ngày một mới hơn sẵn sàng thích ứng với mọi thay đổi của thời đại công nghệ số, thời đại công nghiệp 4.0.

Với thiết kế cấu trúc các học phần kết hợp phương pháp học theo dự án (PBL) áp dụng mô hình dạy học “Learning Office”, ở Trường đại học Phú Xuân luôn đảm bảo tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% dạy thực hành xuyên suốt trong chương trình đào tạo đáp ứng tốt việc học đi đôi với hành.

#### **Tăng cường các cơ hội lĩnh hội của sinh viên**

Với phương pháp dạy học hiện đại ở PXU, sinh viên có thể lĩnh hội kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau: kinh nghiệm của giảng viên, giáo trình, các tài liệu khoa học phù hợp, học hỏi kiến thức lẫn nhau, tra cứu tìm kiếm từ kho tri thức khổng lồ internet...Thêm nữa sinh viên còn rèn luyện thái độ tích cực, cầu tiến, yêu thích làm việc cũng như thái độ tôn trọng môi trường và sự khác biệt. Ngoài ra kết hợp với những hiểu biết, kinh nghiệm và nhu cầu, sinh viên dần luyện cho mình kỹ năng cần thiết như kỹ năng tư duy mạch lạc, trình bày tự tin lưu loát, kỹ năng đánh giá và giải quyết vấn đề gặp phải.

#### **Đổi mới toàn diện lộ trình đào tạo**

Toàn bộ chương trình đào tạo đã và đang được đổi mới toàn diện. Phương pháp đào tạo mới dựa trên lộ trình 5 giai đoạn của quá trình đào tạo:

<b>GĐ</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Ghi chú</b>
0	Học kỳ quân đội – GD-ANQP	4 tuần	
1	Nhập môn nghề nghiệp và cơ sở chuyên ngành	16 tuần	
2	Tri thức cơ sở và kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn	48 tuần	Có đủ kỹ năng để làm việc
3	Hoàn thiện và định hướng chuyên sâu	48 tuần	

4	Học trong môi trường doanh nghiệp (OJT)	9 tuần	
5	Đồ án/khóa luận tốt nghiệp	9 tuần	
	<b>Tổng thời gian đào tạo</b>	<b>3 năm</b>	<b>9 học kỳ</b>

Tóm lại với sự thay đổi về phương pháp giảng dạy kết hợp đổi mới chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, Nhà trường hướng đến sinh viên được phát triển đồng bộ về:

- Tri thức nghề nghiệp, bao gồm hiểu biết về ngành công nghiệp liên quan
- Kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên ra trường phải có khả năng làm việc được ngay
- Tác phong và thái độ theo yêu cầu của nhà tuyển dụng trong tương lai
- Phát triển khả năng tự học của sinh viên nhằm đáp ứng các thay đổi của xã hội
- Phát triển thể chất và văn họ

## **Phần 4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **4.1. Các rủi ro có thể xảy ra**

- Không tuyển sinh đủ số lượng sinh viên theo kế hoạch năm học.
- Không tuyển đủ số lượng giảng viên đảm nhận các học phần trong chương trình phụ trách ngành đào tạo.
- Ngành bị đình chỉ trong quá trình đào tạo.
- Rủi ro xảy ra trong thời gian đào tạo liên quan đến thi, kiểm định chất lượng...

### **4.2. Biện pháp phòng ngừa rủi ro**

#### **4.2.1. Giải pháp đảm bảo tuyển sinh**

- Trường đã khảo sát nhu cầu từ doanh nghiệp và người học, nắm bắt nhu cầu thị trường trước khi quyết định mở ngành. Ngoài ra, trường tập trung xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của ngành Công nghệ thực phẩm và Thiết kế nội thất thông qua website, fanpage và các hoạt động thường niên của Ngành, Khoa và Trường.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh, chương trình tuyển sinh hàng năm.

- Ký biên bản ghi nhớ với các trường THPT và thực hiện chương trình tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp, công ty đã ký hợp tác thực hành, tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế phục vụ cho chương trình đào tạo. Đây là thế mạnh của trường Đại học Phú Xuân đã triển khai trong các năm qua.

- Xây dựng các chính sách về học bổng, tuyển thẳng, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên trong thực tế và thực hành nghề nghiệp.

#### 4.2.2. Giải pháp đảm bảo năng lực giảng viên

- Xây dựng, tuyển dụng đội ngũ giảng viên có chất lượng ngay từ khi xây dựng đề án, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động đào tạo, nâng cao uy tín của Ngành, Khoa và Trường để thu hút lực lượng giảng viên đủ năng lực tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học phục vụ ngành đào tạo.

- Xây dựng chính sách tuyển dụng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chế độ phúc lợi để thu hút giảng viên.

**4.2.3. Giải pháp đảm bảo mở được mã ngành:** Thực hiện đầy đủ các quy định về mở ngành đào tạo mới theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

**4.2.4. Giải pháp đảm bảo chất lượng giảng dạy:** Thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro và chất lượng của Trường.

#### 4.3. Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Trường luôn tuân thủ đúng các yêu cầu triển khai hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, trong trường hợp ngành đào tạo bị đình chỉ hoạt động, các giải pháp cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan dự kiến như sau:

Stt	Đối tượng	Giải pháp
1.	Người học (Sinh viên)	Phương án 1: Người học được đảm bảo tổ chức hoàn thành chương trình đào tạo. Phương án 2: Người học được xem xét chuyển ngành đào tạo (điều kiện trúng tuyển tương đương) theo quy định của Trường. Phương án 3: Thương lượng, hợp tác với các trường đại học có chung ngành đào tạo để chuyển đổi đảm bảo quyền lợi của sinh viên.
2.	Giảng viên	Phương án 1: Sắp xếp giảng viên tham gia giảng dạy các học phần phù hợp chuyên môn ở các ngành khác trong Trường. Phương án 2: Sắp xếp công việc, thỏa thuận với giảng

		viên theo quy định của Bộ luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động...
3.	Cơ sở đào tạo và các bên liên quan	Xác định các nội dung chưa phù hợp, tiến hành phân tích, đánh giá và thực hiện các giải pháp (theo từng trường hợp) để được cho phép hoạt động ngành trở lại.

STT	Đội tuyển	Điểm
1	Đội tuyển (1)	Điểm (1)
2	Đội tuyển (2)	Điểm (2)
3	Đội tuyển (3)	Điểm (3)
4	Đội tuyển (4)	Điểm (4)
5	Đội tuyển (5)	Điểm (5)
6	Đội tuyển (6)	Điểm (6)
7	Đội tuyển (7)	Điểm (7)
8	Đội tuyển (8)	Điểm (8)
9	Đội tuyển (9)	Điểm (9)
10	Đội tuyển (10)	Điểm (10)

## Phần 5. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Trên cơ sở nhu cầu về người học và nhu cầu của xã hội, năng lực về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của Trường Đại học Phú Xuân;

Trường đã đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của các cấp có thẩm quyền;

Trường Đại học Phú Xuân tự nhận thấy đã đủ điều kiện để mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện.

Vậy, Trường Đại học Phú Xuân kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo đề án đăng ký mở ngành đào tạo, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nhà trường được mở ngành đào tạo Truyền thông đa phương tiện, trình độ đại học, mã ngành 7320104 và tuyển sinh đào tạo bắt đầu từ năm học 2023 - 2024.

Nhà trường cam kết thực hiện nghiêm túc, có kết quả và đảm bảo chất lượng đào tạo đối với ngành Truyền thông đa phương tiện.

Mọi thông tin về chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh, chuẩn đầu ra..., các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học được công bố trên website của nhà trường tại địa chỉ <https://phuxuan.edu.vn>

**HIỆU TRƯỞNG .**  
  
**TS. Hồ Thị Hạnh Tiên**